

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2
KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC

=====***=====

DOÃN THỊ LOAN

**TÌM HIỂU CÁC LOẠI GHI NHỚ
CỦA HỌC SINH LỚP 4 TRƯỜNG
TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN -
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN - VĨNH PHÚC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Chuyên ngành: Tâm lí học

Người hướng dẫn khoa học:

TS. GVC. Nguyễn Đình Mạnh

HÀ NỘI – 2014

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện đề tài này, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ từ phía thầy cô, gia đình, bạn bè. Em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc đến:

Các thầy cô giáo trong khoa Giáo dục Tiểu học cùng các thầy cô trong Tổ Tâm lý - Giáo dục trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đã dạy dỗ, tạo điều kiện thuận lợi cho em trong quá trình thực hiện khoá luận. Đặc biệt, em xin cảm ơn thầy giáo: Tiến sĩ, Giảng viên chính Nguyễn Đình Mạnh đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em từng bước để em có thể hoàn thành bài khoá luận một cách tốt nhất.

Ban Giám hiệu nhà trường, các cô giáo cùng các em học sinh lớp 4 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc đã tạo điều kiện, giúp đỡ nhiệt tình trong thời gian em nghiên cứu và thực hiện đề tài này.

Gia đình, bạn bè và những người thân đã động viên, giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình hoàn thành khoá luận tốt nghiệp của mình.

Do điều kiện thời gian nghiên cứu và vốn kiến thức còn hạn chế nên khoá luận khó tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô giáo cùng toàn thể các bạn sinh viên để khoá luận của em tiếp tục hoàn thiện trong quá trình học tập và giảng dạy sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, tháng 5 năm 2014

Sinh viên

Doãn Thị Loan

LỜI CAM ĐOAN

*Em xin cam đoan đề tài “**Tìm hiểu các loại ghi nhớ của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Ngô Quyền – Thành phố Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc**” là kết quả mà em đã trực tiếp tìm tòi, nghiên cứu. Trong quá trình nghiên cứu em có sử dụng tài liệu của một số tác giả để tham khảo. Em xin cam đoan đây là kết quả của cá nhân em hoàn toàn không trùng khớp với kết quả của các tác giả khác.*

Hà Nội, tháng 05 năm 2014

Sinh viên

Doãn Thị Loan

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
PHẦN NỘI DUNG	6
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI	6
1.1 Lịch sử nghiên cứu đề tài.....	6
1.1.1 Các công trình nghiên cứu ghi nhớ ở nước ngoài	6
1.1.2 Các công trình nghiên cứu ghi nhớ ở trong nước.....	6
1.2 Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài của khoá luận.....	7
1.3 Khái niệm về trí nhớ	8
1.4 Các quan điểm tâm lí học về trí nhớ.....	9
1.4.1 Tâm lí học Gestal về trí nhớ (thuyết cấu trúc về trí nhớ)	9
1.4.2 Thuyết liên tưởng về trí nhớ	9
1.4.3 Tâm lí học hiện đại về trí nhớ (thuyết hoạt động về trí nhớ)	10
1.5 Các quá trình cơ bản của trí nhớ.....	11
1.5.1 Quá trình ghi nhớ	11
1.5.2 Quá trình gìn giữ.....	12
1.5.3 Quá trình tái hiện	13
1.5.4 Quá trình quên	14
1.6 Các loại ghi nhớ.....	16
1.6.1 Ghi nhớ không chủ định.....	16
1.6.2 Ghi nhớ có chủ định	17
1.7 Học sinh tiểu học	20
1.7.1 Khái niệm học sinh tiểu học	20
1.7.2 Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh lớp 4	20
1.8 Đặc điểm hoạt động học tập và một số đặc điểm tâm lý của học sinh ở giai đoạn thứ hai Tiểu học có liên quan đến đề tài khoá luận	21

1.8.1 Đặc điểm hoạt động học tập	21
1.8.2 Một số đặc điểm tâm lý của học sinh ở giai đoạn thứ hai Tiểu học có liên quan đến đề tài khoá luận.	21
Chương 2. THỰC TRẠNG CÁC LOẠI GHI NHỚ CỦA HỌC SINH LỚP 4A1 VÀ LỚP 4A2 TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN – THÀNH PHỐ VĨNH YÊN – VĨNH PHÚC	23
2.1 Ghi nhớ không chủ định	23
2.1.1 Ghi nhớ không chủ định của học sinh ở môn Toán	23
2.1.2 Điều tra sự ghi nhớ không chủ định của học sinh lớp 4 thông qua hành động giải bài tập của học sinh.	26
2.2 Ghi nhớ có chủ định.....	29
2.3 Nguyên nhân ảnh hưởng đến sự ghi nhớ của học sinh.....	30
2.3.1 Nguyên nhân chủ quan.....	31
2.3.2 Nguyên nhân khách quan	31
Chương 3. THỬ NGHIỆM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI GHI NHỚ CHO HỌC SINH LỚP 4A1 VÀ LỚP 4A2 TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN – THÀNH PHỐ VĨNH YÊN – VĨNH PHÚC	34
3.1 Mở đầu	34
3.1.1 Mục tiêu thử nghiệm.....	34
3.1.2 Nội dung cơ bản của chương trình thử nghiệm	34
3.1.3 Khách thể thử nghiệm và đối chứng.	36
3.2. Kết quả nghiên cứu.....	36
3.2.1. Ghi nhớ không chủ định của lớp thử nghiệm và đối chứng.....	36
3.2.2 Ghi nhớ có chủ định của học sinh lớp thử nghiệm và lớp đối chứng	38
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	42
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	44

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trí nhớ là quá trình tâm lí phản ánh vốn kinh nghiệm của cá nhân dưới hình thức biểu tượng, bằng cách ghi nhớ, gìn giữ, nhận lại và nhớ lại những điều mà con người đã trải qua. Bởi thế trí nhớ có vai trò rất quan trọng trong đời sống và hoạt động của con người.

Không có trí nhớ thì không có kinh nghiệm, không có kinh nghiệm thì không có bất cứ một hoạt động nào, không thể phát triển tâm lí, nhân cách con người. Vì rằng muốn hành động, con người phải có khả năng lặp lại những thao tác cũ, vận dụng những hiểu biết đó qua vào công việc hiện tại. Chẳng hạn, muốn đọc được học sinh phải nhớ mặt chữ, nhớ các âm vần, nhớ cách đọc... Hoạt động là nhân tố quyết định trực tiếp sự hình thành và phát triển nhân cách, nên không có bất cứ một hoạt động nào thì cũng không thể hình thành nhân cách được. I.M.Xêchê nôp- nhà sinh lí học người Nga đã viết: *“Nếu không có trí nhớ thì con người mãi mãi ở tình trạng của một đứa trẻ sơ sinh”*.

Trí nhớ phản ánh kinh nghiệm của con người thuộc mọi lĩnh vực: nhận thức, cảm xúc, hành động. Vì vậy, trí nhớ là một đặc trưng quan trọng nhất, có tính chất quyết định đời sống tâm lí con người, quyết định sự hình thành và phát triển nhân cách của họ. Nó đảm bảo cho sự thống nhất và toàn vẹn của nhân cách con người. Ngày nay, người ta xem trí nhớ không phải chỉ nằm trong giới hạn hoạt động nhân cách của mỗi người, về đặc trưng tâm lí của mỗi người được hình thành trên cơ sở kinh nghiệm cá thể về mọi mặt của họ, mà kinh nghiệm cá thể đó lại do trí nhớ đem lại.

Mức độ đúng đắn, sâu sắc và bền vững của trí nhớ một phần phụ thuộc vào nội dung, tính chất của sự vật hiện tượng, tài liệu cần nhớ. Mặt khác còn phụ thuộc vào chủ thể của hoạt động nhớ. Những sự vật hiện tượng, tài liệu

có liên quan nhiều đến nhu cầu, hứng thú, tình cảm của con người, được ghi lại, gìn giữ và nhớ lại sâu sắc, đầy đủ hơn.

Mục tiêu giáo dục tiểu học là *“Nhằm giúp cho học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và có kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học Trung học cơ sở”* (Điều 22 luật GD).

Bậc Tiểu học chia làm hai giai đoạn: giai đoạn thứ nhất Tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 3) hoạt động học bắt đầu được hình thành ở học sinh lớp 1 và được hình thành ở học sinh lớp 3. Giai đoạn thứ hai bậc Tiểu học (lớp 4 và lớp 5) đây là giai đoạn cuối Tiểu học chuyển tiếp sang Trung học cơ sở, nên học sinh phải lĩnh hội khối lượng kiến thức nặng hơn, phức tạp hơn, do đó hoạt động học cũng phong phú, phức tạp hơn. Trí nhớ là điều kiện cần để học tốt. Vì vậy, vai trò của trí nhớ trong giai đoạn này càng trở nên đặc biệt quan trọng.

Chương trình tiểu học mới được triển khai trên toàn quốc bắt đầu từ năm học 2002- 2003. Tuy nhiên chưa có công trình nghiên cứu nào tìm hiểu các loại ghi nhớ của học sinh lớp 4. Do đó tôi chọn đề tài nghiên cứu **“Tìm hiểu các loại ghi nhớ của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Ngô Quyền – Thành phố Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc”** để nâng cao quá trình ghi nhớ của học sinh từ đó góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng học tập của các em.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài

Đề tài tìm hiểu thực trạng các loại ghi nhớ của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Ngô Quyền – Thành phố Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc. Trên cơ sở đó, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ghi nhớ cho học sinh lớp 4 trường Tiểu học Ngô Quyền nói riêng và các trường tiểu học nói chung.

3. Giả thuyết nghiên cứu đề tài

Ghi nhớ không chủ định và ghi nhớ có chủ định của các khách thể nghiên cứu phát triển còn ở mức độ thấp. Ghi nhớ ý nghĩa chưa chiếm ưu thế. Có nhiều

nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên trong đó nguyên nhân quan trọng là do phương pháp dạy học chưa phát huy được tính tự giác, tích cực, chủ động của học sinh. Giáo viên chưa chủ động hình thành và rèn luyện cho học sinh những biện pháp ghi nhớ ý nghĩa, chưa định hướng cho học sinh tài liệu nào ghi nhớ trong thời gian ngắn, tài liệu nào ghi nhớ trong thời gian dài. Vì vậy, nếu đổi mới phương pháp dạy học, chủ động hình thành cho học sinh những biện pháp ghi nhớ ý nghĩa thì chất lượng ghi nhớ của các em sẽ được nâng cao.

4. Khách thể nghiên cứu đề tài

80 học sinh lớp 4A1 và lớp 4A2 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.

5. Đối tượng nghiên cứu đề tài

Các loại ghi nhớ của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.

6. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu đề tài

Giới hạn đối tượng nghiên cứu: chỉ nghiên cứu các loại ghi nhớ

Giới hạn khách thể nghiên cứu: chỉ nghiên cứu học sinh lớp 4 trong quá trình học môn Toán trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.

7. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

- Tìm hiểu các vấn đề lí luận về trí nhớ.
- Tìm hiểu thực trạng các loại ghi nhớ của học sinh lớp 4A1 và 4A2 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.
- Tìm hiểu thực trạng các loại ghi nhớ của học sinh lớp 4.
- Đề xuất và thử nghiệm tác động các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả ghi nhớ của học sinh lớp 4.

8. Phương pháp nghiên cứu đề tài

8.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

- Tìm hiểu các vấn đề lí luận về trí nhớ.

- Tìm hiểu các vấn đề lí luận về trí nhớ của học sinh Tiểu học.
- Nghiên cứu một số tài liệu tham khảo giúp cho việc hoàn thành cơ sở lí luận của khoá luận.

8.2. Phương pháp quan sát

- Quan sát giờ học, giờ kiểm tra nhằm tìm hiểu thái độ, tính tích cực của học sinh trong giờ học, sự tái hiện tài liệu của học sinh.
- Quan sát giáo viên về phương pháp giảng dạy, về cách thức tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh trong tiết học.

8.3. Phương pháp điều tra

- Điều tra sau các bài học để đo thực trạng ghi nhớ của học sinh.
- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động
- Phương pháp trắc nghiệm (test)

8.4. Phương pháp thử nghiệm sư phạm

- Soạn các bài tập để đo thực trạng các loại ghi nhớ của học sinh
- Soạn giáo án và giảng dạy một số tiết ở môn Toán lớp 4 theo hướng tổ chức hoạt động tích cực, chủ động, sáng tạo cho học sinh, hình thành cho học sinh các biện pháp ghi nhớ logic.
- Đối tượng thử nghiệm là học sinh lớp 4A1 và lớp 4A2 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.

8.5. Phương pháp xử lý số liệu

- Dùng toán thống kê để xử lí số liệu, so sánh, đối chiếu, rút ra kết luận.

9. Kế hoạch nghiên cứu đề tài

- Tháng 11/2013- 01/2014: Nhận đề tài, đọc tài liệu và hoàn thành đề cương nghiên cứu
- Tháng 01/2014-02/2014: Đọc sách, tìm hiểu cơ sở lí luận
- Tháng 02-03/2014: Điều tra thực trạng, thu thập số liệu và tài liệu
- Tháng 04-05/2014: Xử lí số liệu và tài liệu, hoàn thành đề tài.

10. Nội dung nghiên cứu đề tài

- Phần mở đầu:

- Phần nội dung:

Chương 1: Cơ sở lí luận.

Chương 2: Thực trạng các loại ghi nhớ của học sinh lớp 4.

Chương 3: Thử nghiệm hình thành và phát triển các loại ghi nhớ cho học sinh lớp 4.

- Kết luận và kiến nghị

- Tài liệu tham khảo

- Phụ lục

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1 Lịch sử nghiên cứu đề tài

Trí nhớ là thuộc tính chung của các vật chất hữu cơ. Đối với con người, trí nhớ là điều khiển chủ yếu, điều kiện cơ sở của toàn bộ đời sống tâm lý con người. Vì vậy trong suốt lịch sử phát triển của khoa học tâm lý, trí nhớ mà đặc biệt là quá trình ghi nhớ thì thường xuyên là đối tượng nghiên cứu được các nhà tâm lý học ưa thích. Do những cách tiếp cận, mục đích của hoạt động khác nhau nên nghiên cứu về trí nhớ và ghi nhớ hết sức đa dạng.

1.1.1 Các công trình nghiên cứu ghi nhớ ở nước ngoài

Công trình khoa học đầu tiên về ghi nhớ được Hermann Ebbinghaus – một học giả người Đức tiến hành năm 1885. Đề tài này đã nghiên cứu về cách thức hình thành và ghi nhớ các liên tưởng trong trí nhớ bằng phương pháp thực nghiệm.

Trong tác phẩm “*Phân tích trí nhớ về mặt thần kinh*” của A.R.Luria năm 1970 đã trình bày xuất phát điểm coi trí nhớ là một hoạt động tâm lý có cấu trúc tâm lý và cấu trúc thần kinh của trí nhớ.

Công trình: “*Child development*” do Peter Ornstein và các đồng nghiệp của ông tiến hành năm 1975. Mục tiêu đặt ra của nghiên cứu là thấy được các khác biệt có nguyên nhân độ tuổi diễn ra trong xu hướng trẻ em thường nhầm lẫn những từ mà người ta yêu cầu chúng phải nhớ. Kết quả của công trình khẳng định rằng khả năng nhớ kém hơn của các em nhỏ tuổi liên quan đến việc chúng sử dụng các phương pháp nhớ kém hiệu quả hơn.

1.1.2 Các công trình nghiên cứu ghi nhớ ở trong nước

Công trình “*Ghi nhớ máy móc và ghi nhớ có ý nghĩa của học sinh lớp 5,6,8 dùng phương pháp thực nghiệm đo khối lượng từ và số*”. Nhóm nghiên

cứu trí nhớ, tổ Tâm lý học, khoa Tâm lý học, Trường ĐHSP Hà Nội do Phạm Minh Hạc chủ trì, 1963. Công trình kết luận rằng : Khối lượng nhớ từ lớn hơn khối lượng nhớ số. Khối lượng ghi nhớ thị giác là tốt nhất, khối lượng ghi nhớ riêng rẽ bằng thị giác, thính giác nhỏ hơn khối lượng ghi nhớ bằng thị giác, thính giác phối hợp. Quá trình quên xảy ra không theo tỉ lệ thuận với thời gian.

Công trình “*Tìm hiểu độ nhanh và độ bền trí nhớ của trẻ mẫu giáo lớn trường mầm non Hoa Sen*” do sinh viên khoa Tâm lý – Giáo dục, trường ĐHSP Hà Nội tiến hành năm 2005 đã thu được kết luận sau : trí nhớ của trẻ mẫu giáo lớn có đặc điểm dễ nhớ, nhớ nhanh nhưng không bền. Khả năng ghi nhớ của trẻ phụ thuộc vào đặc điểm, tính chất của đối tượng ghi nhớ, vào giới tính, vào môi trường, vào điều kiện sống của trẻ và sự giảng dạy của giáo viên.

1.2 Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài của khoá luận

Các nhà tâm lý học Liên Xô cũ đã có những công trình nghiên cứu về vấn đề liên quan giữa tâm lý và hoạt động trong lĩnh vực các quá trình nhớ. Trong các công trình nghiên cứu của *V.P.Dintreko* đã xác định sự phụ thuộc của hiệu quả ghi nhớ vào đối tượng của hoạt động. Tất cả những gì là đối tượng của hành động cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ đều có thể ghi nhớ một cách chính xác và chắc chắn. Có những cái tuy được tri giác rõ ràng, nhưng không cần cho nhiệm vụ của hành động thì về sau hầu như không nhớ ra được. Các tác giả đã đặc biệt quan tâm tới các quá trình tư duy tham gia vào ghi nhớ.

Công trình nghiên cứu về ghi nhớ: “*Phương pháp ghi nhớ theo điểm tựa*” của *Phạm Minh Hạc, Trương Anh Tuấn* đề cập đến việc giảng cho học sinh hiểu ý chính của bài khoá, giảng kĩ những từ mang nhiều lượng thông tin nhất trong bài. Cho học sinh gạch dưới những từ, cụm từ... Qua thực nghiệm, các tác giả đi đến khẳng định: “*nếu huấn luyện cho các em học theo phương pháp*

“điểm tựa” thì giảm bớt được thời gian ghi nhớ theo phương pháp cũ” [2, tr.112]. Các tác giả đã vạch ra hiệu quả của ghi nhớ logic và huấn luyện cho các em có loại trí nhớ này. Tuy nhiên, các tác giả chưa giải quyết vấn đề phương pháp ghi nhớ theo “điểm tựa” được rèn luyện trong những điều kiện nào của dạy học mà mới chỉ đề cập đến việc rèn luyện trí nhớ tách ra khỏi những điều kiện của dạy học nói chung ở trên lớp.

Vũ Thị Nho, trong công trình nghiên cứu về trí nhớ của học sinh tiểu học nhận xét: “Đầu tuổi đi học, hầu hết các em còn bị trí nhớ tự do, không chủ định chi phối. Từ lớp 3 trở lên khả năng ghi nhớ có chủ định ở học sinh mới hình thành rõ nét, tuy nhiên trí nhớ không chủ định vẫn song song tồn tại” [10, tr.75].

Trong công trình nghiên cứu đề tài cấp Bộ (1997), Trần Trọng Thủy đã đưa ra kết luận: Khối lượng trí nhớ của học sinh tiểu học tăng lên, học sinh lớp 5 ghi nhớ từ 2, 3 lần học sinh lớp 1. Tính trực quan vẫn giữ vai trò quan trọng trong trí nhớ của học sinh.

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chỉ xác định đặc điểm chung của trí nhớ học sinh tiểu học, chứ không đi vào nghiên cứu kỹ, tìm hiểu thực trạng các loại trí nhớ của học sinh từng khối lớp ở bậc Tiểu học.

1.3 Khái niệm về trí nhớ

“Trí nhớ là một quá trình tâm lí phản ánh những kinh nghiệm đã có của cá nhân dưới hình thức biểu tượng, bao gồm sự ghi nhớ, giữ gìn và tái tạo lại sau đó ở trong óc cái mà con người đã cảm giác, tri giác, xúc cảm hành động hay suy nghĩ trước đây” [13, tr 177].

Trí nhớ phản ánh kinh nghiệm của cá nhân. Những kinh nghiệm: hình ảnh, khái niệm, rung động, hành động, các thuộc tính của nhân cách mà cá nhân phản ánh, tiếp thu được trí nhớ lưu giữ. Trí nhớ không làm thay đổi những gì cá nhân tiếp thu được. Nét đặc trưng nhất của trí nhớ là trung thành

với tất cả những gì cá nhân đã tiếp thu được nghĩa là nó hoạt động một cách máy móc và thật thà.

Trí nhớ là một hoạt động bao gồm nhiều quá trình: quá trình ghi nhớ, quá trình giữ gìn, quá trình tái hiện, và quá trình quên. Mỗi quá trình đó có một chức năng xác định nhưng chúng không đối lập nhau mà thâm nhập vào nhau và chuyển hóa cho nhau.

Trí nhớ không chỉ nằm trong giới hạn của hoạt động nhận thức mà nó còn là một thành phần tạo nên nhân cách mỗi người.

1.4 Các quan điểm tâm lý học về trí nhớ

1.4.1 Tâm lý học Gestal về trí nhớ (thuyết cấu trúc về trí nhớ)

Những nhà tâm lý học Gestal cho rằng: *“mỗi đối tượng có một cấu trúc thống nhất các yếu tố cấu thành (chứ không phải tổng số những bộ phận riêng lẻ của nó). Cấu trúc này là cơ sở để tạo nên trong bán cầu đại não một cấu trúc tương tự của những dấu vết, và do đó trí nhớ được hình thành”* [13, tr 181]. Tâm lý học Gestal coi nguyên tắc tính trọn vẹn của những hình ảnh như là một quy luật (được gọi là quy luật Gestal).

1.4.2 Thuyết liên tưởng về trí nhớ

Thuyết liên tưởng coi sự liên tưởng là nguyên tắc quan trọng nhất của sự hình thành trí nhớ nói riêng và sự hình thành tất cả các hiện tượng tâm lý khác nói chung. Theo quan điểm này *“sự xuất hiện của một hình ảnh tâm lý trong vỏ não bao giờ cũng diễn ra đồng thời hoặc kế tiếp trong thời gian với một hiện tượng tâm lý khác theo quy luật liên tưởng”* [13, tr 180]. Tức là sự vật, hiện tượng của thực tế khách quan được ghi lại hay nhớ lại không phải tách biệt nhau mà liên quan chặt chẽ với nhau theo từng nhóm hay theo từng loại. Do đó sự nhớ lại một số sự vật hay hiện tượng này dẫn đến sự nhớ lại một số sự vật hay hiện tượng khác. Sở dĩ như vậy là vì trong thực tế, sự vật và hiện

tượng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong không gian và thời gian, trong quan hệ giống nhau và khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

Dưới ảnh hưởng của mối quan hệ khách quan đó, trên vỏ não hình thành những mối liên hệ thần kinh tạm thời làm cơ sở sinh lý cho quá trình ghi nhớ, nhớ lại. Điều này trong tâm lí học gọi là sự liên tưởng.

Căn cứ vào kích thích hiện tại và biểu tượng cũ, người ta chia liên tưởng ra làm 4 loại và cũng là quy luật liên tưởng:

a. Liên tưởng gần nhau về không gian hoặc thời gian do giữa những sự vật hay hiện tượng có sự gần gũi nhau về không gian và thời gian mà nhớ đến sự vật này ta cũng nhớ đến sự vật kia.

b. Liên tưởng giống nhau về hình thức hoặc nội dung xuất hiện trong khi các sự vật hay hiện tượng này có hình thức hay nội dung giống hệt như những sự vật hay hiện tượng trước đây.

c. Liên tưởng trái ngược nhau xuất hiện giữa các đối tượng hiện tại và trước đây có những đặc điểm trái ngược nhau. Chẳng hạn như thấy đen nghĩ đến trắng, hay có đêm nhớ ngày...

d. Liên tưởng nhân quả xuất hiện khi sự vật hay hiện tượng này là nguyên nhân hay kết quả của sự vật hoặc hiện tượng kia. Như thấy sự học tập say sưa, cần cù có thể nghĩ đến kết quả tốt đẹp trong khi kiểm tra.

Như vậy, quan điểm này mới chỉ dừng lại ở sự miêu tả những điều kiện bên ngoài của sự xuất hiện những ấn tượng đồng thời. Nói cách khác, quan điểm này mới nhìn thấy sự kiện, hiện tượng chứ chưa lý giải được một cách khoa học về sự hình thành trí nhớ.

1.4.3 Tâm lí học hiện đại về trí nhớ (thuyết hoạt động về trí nhớ)

Tâm lí học hiện đại coi hoạt động của cá nhân quyết định sự hình thành trí nhớ nói riêng và tâm lí nói chung. Theo quan điểm này: “*sự ghi lại, giữ gìn và tái hiện được quy định bởi vị trí, vai trò và đặc điểm của tài liệu đối với*

hoạt động của cá nhân. Những quá trình đó (ghi nhớ, giữ gìn và tái hiện) có hiệu quả nhất khi tài liệu trở thành mục đích của hành động” [13, tr 181].

Các nhà tâm lí học đã có những công trình nghiên cứu vấn đề tương quan giữa tâm lí và hoạt động trong lĩnh vực các quá trình trí nhớ. Trong các công trình nghiên cứu của các nhà tâm lí học Liên Xô đã xác định sự phụ thuộc của hiệu quả ghi nhớ vào đối tượng hoạt động. Tất cả những gì là đối tượng của hành động cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ đều có thể được ghi nhớ một cách chính xác và vững chắc. Có những cái tuy được tri giác rõ ràng, song không phải là đối tượng của hành động thì về sau hầu như không nhớ ra được. Đồng thời các công trình này đã chỉ ra tính chất quyết định của động cơ hoạt động, đặc biệt là tính tích cực của chủ thể trong khi thực hiện hoạt động đối với trí nhớ.

Như vậy, sự hình thành những mối quan hệ giữa những biểu tượng riêng lẻ không chỉ được qui định bởi tính chất của tài liệu mà chủ yếu bởi mục đích ghi nhớ tài liệu đó của cá nhân.

1.5 Các quá trình cơ bản của trí nhớ

Trí nhớ là một quá trình phức tạp bao gồm nhiều quá trình thành phần : quá trình ghi nhớ (tạo vết), quá trình giữ gìn (củng cố vết), quá trình tái hiện (từ những dấu vết làm sống lại những hình ảnh) và quá trình quên (không tái hiện được). Mỗi quá trình này có một chức năng xác định, nhưng chúng không đối lập nhau mà chúng lại phụ thuộc vào nhau (ghi nhớ, giữ gìn tốt thì mới tái hiện tốt), thâm nhập vào nhau chuyên hoá cho nhau (khi tái hiện đồng thời có tác dụng củng cố).

1.5.1 Quá trình ghi nhớ

Ghi nhớ là giai đoạn đầu tiên của một hoạt động nhớ. Đó là quá trình tạo nên dấu vết của đối tượng trên vỏ não, đồng thời cũng là quá trình gắn đối tượng đó với những kiến thức đã có. Quá trình ghi nhớ rất cần thiết để tiếp thu tri thức, tích lũy kinh nghiệm.

Hiệu quả của việc ghi nhớ phụ thuộc không chỉ vào đối tượng, nội dung, tính chất của tài liệu nhớ mà còn phụ thuộc chủ yếu vào động cơ, mục đích, phương thức hành động của cá nhân. Nhiều công trình nghiên cứu về mối quan hệ giữa sự ghi nhớ và hoạt động đã khẳng định rằng: “*sự ghi nhớ một tài liệu nào đó là kết quả của hành động với tài liệu đó, đồng thời nó là điều kiện, phương tiện để thực hiện các hành động tiếp theo*” [13, tr.187].

Có nhiều hình thức ghi nhớ, căn cứ vào mục đích ghi nhớ người ta chia thành ghi nhớ không chủ định và ghi nhớ có chủ định.

1.5.1.1 Ghi nhớ không chủ định

Đó là sự ghi nhớ không có mục đích đặt ra từ trước, không đòi hỏi phải nỗ lực ý chí hoặc không dùng một thủ thuật nào để ghi nhớ, tài liệu được ghi nhớ một cách tự nhiên. Tuy nhiên không phải mọi sự kiện, hiện tượng đều được ghi nhớ một cách không chủ định như nhau. Mức độ ghi nhớ phụ thuộc vào sự hấp dẫn của nội dung tài liệu. Nếu nội dung tài liệu có khả năng tạo ra sự tập trung, chú ý cao độ hay một cảm xúc mạnh mẽ thì sự ghi nhớ sẽ đạt hiệu quả cao.

1.5.1.2 Ghi nhớ có chủ định

Đó là loại ghi nhớ theo mục đích đặt ra từ trước, nó đòi hỏi sự nỗ lực ý chí nhất định và cần có những thủ thuật, phương pháp nhất định để đạt được mục đích ghi nhớ.

Ghi nhớ có chủ định được thực hiện bằng hai phương pháp: ghi nhớ máy móc và ghi nhớ ý nghĩa.

1.5.2 Quá trình gìn giữ

Gìn giữ là quá trình củng cố vững chắc những dấu vết đã hình thành trên vỏ não trong quá trình ghi nhớ. Nếu không có sự gìn giữ thì không thể nhớ bền, nhớ chính xác được.

Có hai hình thức gìn giữ là gìn giữ tích cực và gìn giữ tiêu cực.

Gìn giữ tích cực là sự gìn giữ được thực hiện bằng cách tái hiện trong óc tài liệu đó ghi nhớ mà không cần phải tri giác tài liệu đó.

Gìn giữ tiêu cực là gìn giữ dựa trên sự tái hiện lặp đi lặp lại nhiều lần một cách đơn giản tài liệu cần nhớ thông qua các mối liên hệ bề ngoài giữa các phần tài liệu đó.

Trong hoạt động học tập của học sinh quá trình gìn giữ được gọi là ôn tập.

1.5.3 Quá trình tái hiện

Tái hiện là một quá trình trí nhớ làm sống lại những nội dung đã ghi nhớ và gìn giữ. Quá trình này có thể diễn ra dễ dàng (tự động) hoặc rất khó khăn (phải nỗ lực nhiều). Tài liệu thường được tái hiện dưới 3 hình thức: nhận lại, nhớ lại và hồi tưởng.

1.5.3.1 Nhận lại

Là hình thức tái hiện khi sự tri giác đối tượng được lặp lại. Sự nhận lại cũng có thể không đầy đủ và do đó không xác định. Do vậy không nên lấy nhận lại làm tiêu chuẩn đánh giá trí nhớ con người.

Trong nhận lại đôi khi đòi hỏi những quá trình rất phức tạp để đạt tới một kết quả xác định. Ta phải dựa vào một đối tượng đã biết để tưởng tượng lại những cái có liên quan dần dần ta nhớ chính xác cái ta cần. Ở đây sự nhận lại chuyển sang sự nhớ lại.

1.5.3.2 Nhớ lại

Nhớ lại là hình thức tái hiện không diễn ra sự tri giác đối tượng. Đó là khả năng làm sống lại hình ảnh của sự vật hiện tượng đã được tri giác trước đây khi sự vật và hiện tượng đó không còn ở trước mặt. Nhớ lại thường có hai dạng: nhớ lại không chủ định và nhớ lại có chủ định.

a. Nhớ lại không chủ định

Nhớ lại không chủ định là sự nhớ lại một cách tự nhiên (chợt nhớ hoặc sự nhớ) một điều gì đó khi gặp một hoàn cảnh cụ thể, không cần phải xác định nhiệm vụ cần nhớ lại.

Tuy nhiên, không phải quá trình này diễn ra một mình, không có nguyên nhân. Nó được kích thích bởi một đối tượng nào đó đang được tri giác, hoặc bởi một hình ảnh của tưởng tượng hay của tư duy theo quy luật liên tưởng.

b. Nhớ lại có chủ định

Nhớ lại có chủ định là nhớ lại một cách tự giác, chịu sự chi phối của nhiệm vụ nhớ lại, đòi hỏi phải có sự cố gắng nhất định. Đôi khi ta phải có sự cố gắng rất nhiều mới có thể nhớ lại những điều cần thiết.

Nhớ lại thường mang tính chất lựa chọn thông qua cá nhân, điều này tùy thuộc vào sự hiểu biết, kinh nghiệm, hứng thú, tình cảm,... của mỗi người.

Nhớ lại không phải là làm hiện lên hoàn toàn những hình ảnh đã ghi nhớ như chụp. Những hình ảnh đó đã bị đổi dạng và hiện lên phù hợp với yêu cầu của hoạt động và đặc điểm của cá nhân qua quá trình lựa chọn. Nhớ lại là một quá trình tư duy tích cực đòi hỏi nhiều công sức và thời gian. Usinski đã cho nhớ lại là một *“lao động mà không phải là lao động đơn giản”*

1.5.3.3 Hồi tưởng

Là hình thức tái hiện đòi hỏi sự cố gắng rất nhiều của trí tuệ. Đây là một hành động trí tuệ phức tạp, kết quả của nó phụ thuộc vào chỗ cá nhân ý thức rõ ràng, chính xác đến mức nào nội dung của nhiệm vụ tái hiện.

Trong sự hồi tưởng, những ấn tượng trước đây không được tái hiện một cách máy móc mà thường được sắp xếp khác đi, gắn liền với những sự kiện mới.

1.5.4 Quá trình quên

Không phải mọi dấu vết, ấn tượng trong não của chúng ta đều được gìn giữ và làm sống lại một cách như nhau, nghĩa là trong trí nhớ của chúng ta có hiện tượng quên.

Thực ra sự quên không phải là một quá trình trái ngược với giai đoạn ghi nhớ mà chủ yếu trái ngược với giai đoạn tái hiện. Cho nên, quên chính là khó tái hiện hay không thể tái hiện được những điều cần thiết, những nội dung đã ghi nhớ trước đây vào đúng thời điểm nhất định.

Không phải mọi việc đều bị quên như nhau, có cái quên nhanh có cái quên chậm; có những cái đã tri giác hằng ngày ta “không thể nào quên”, lúc nào cũng thường trực trong trí nhớ. Ngược lại có những cái ta phải chắt vặt lắm mới nhớ lại được thậm chí ta không thể làm chúng xuất hiện lại trong trí nhớ của mình khi cần thiết. Điều này chứng tỏ quên cũng có nhiều mức độ khác nhau:

- Quên hoàn toàn (không nhớ lại, nhận lại được).
- Quên cục bộ (không nhớ lại nhưng nhận lại được).
- Ngoài ra còn có hiện tượng quên tạm thời nghĩa là trong thời gian dài không thể nào nhớ lại được, nhưng trong một lúc nào đó đột nhiên nhớ lại được đó là hiện tượng sự nhớ. Khi nghiên cứu những loại ức chế khác nhau, bằng thực nghiệm PápLốp đã chứng minh rằng trong một hoàn cảnh nhất định, những phản xạ tất có thể sống lại được. Điều này cho phép giải thích tại sao đột nhiên chúng ta nhớ lại được một điều gì đấy mà trước đó ta tin rằng nó đó bị quên hoàn toàn.

Nhưng ngay cả quên hoàn toàn cũng không có nghĩa là các dấu vết ghi nhớ đó hoàn toàn mất đi, không để lại dấu vết nào, phát hiện của Đen-phin đã cho thấy rằng không có sự quên hoàn toàn tuyệt đối dù ta không bao giờ nhận lại và nhớ lại một điều gì đó đã gặp trước đây thì nó vẫn còn để lại dấu vết nhất định trên vỏ não, chỉ có điều ta không làm cho nó sống lại khi cần thiết mà thôi.

Quên cũng có nhiều nguyên nhân. Có thể là do quá trình ghi nhớ, có thể do các quy luật ức chế thần kinh (ức chế ngược, ức chế xuôi, ức chế tạm thời) trong quá trình ghi nhớ và do không gắn được vào hoạt động hàng ngày, không phù hợp với nhu cầu, hứng thú sở thích cá nhân hoặc ít có ý nghĩa thực tiễn đối với cá nhân.

Sự quên diễn ra theo trình tự: quên cái tiêu tiết, vụn vặt trước, quên cái đại thể, chính yếu sau.

Quên diễn ra không đồng đều: ở giai đoạn đầu tốc độ lớn sau đó giảm dần. Bằng thực nghiệm Êbingao và nhiều tác giả thuộc thế hệ sau đã chứng minh rằng: ngay sau lần tiếp xúc với tài liệu, tốc độ quên xảy ra rất nhanh. Thí nghiệm cho thấy một giờ sau khi đọc chỉ còn nhớ 44%, sau 2 ngày còn nhớ 28% tức là độ quên giảm dần.

Nhịp độ quên tùy thuộc vào nội dung và khối lượng của tài liệu. Nếu tài liệu cần ghi nhớ là những vấn đề có liên quan với nhau về ý nghĩa thì nhịp độ quên chậm hơn đối với những vấn đề không có liên quan. Nếu khối lượng nhiều thì nhịp độ quên cũng giống như trường hợp đối với những từ không ý nghĩa vì khối lượng nhiều hơn làm cho đường liên hệ tạm thời không rõ nét và không vững chắc.

Về nguyên tắc quên là một hiện tượng hợp lý, hữu ích. Qua nghiên cứu người ta đã chứng minh được rằng quên không hoàn toàn là dấu hiệu của một trí nhớ kém mà ngược lại nó là yếu tố quan trọng để trí nhớ hoạt động có hiệu quả.

1.6 Các loại ghi nhớ

Có nhiều hình thức ghi nhớ. Căn cứ vào mục đích nghiên cứu của hoạt động người ta chia ghi nhớ thành ghi nhớ không chủ định và ghi nhớ có chủ định.

1.6.1 Ghi nhớ không chủ định

Ghi nhớ không chủ định là sự ghi nhớ được diễn ra một cách tự nhiên, không có mục đích đặt ra từ trước, không đòi hỏi phải nỗ lực ý chí hay không dùng một cách thức nào để ghi nhớ.

Ghi nhớ không chủ định phụ thuộc vào:

- Sự mới lạ hấp dẫn của đối tượng.
- Những hành động được lặp đi lặp lại nhiều lần.
- Tài liệu trở thành đối tượng suy nghĩ của con người.

Ghi nhớ không chủ định giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người nhờ nó mà ta thu được nhiều kinh nghiệm sống có giá trị mà tốn ít năng

lượng thần kinh. Những sự phụ thuộc trên là cơ sở, điều kiện để giáo viên giúp học sinh có được ghi nhớ không chủ định cần thiết cho bài học, muốn vậy giáo viên cần:

- Sử dụng phương tiện trực quan đảm bảo tính khoa học và tính thẩm mỹ (mới lạ, hấp dẫn, đẹp, màu sắc rực rỡ...)

- Tổ chức cho học sinh tiếp thu tri thức theo giai đoạn: hành động với vật thật hoặc vật thay thế, hành động bằng ngôn ngữ, hành động với lời nói to, nói thầm...

- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học...

1.6.2 Ghi nhớ có chủ định

Ghi nhớ có chủ định là loại ghi nhớ theo mục đích đặt ra từ trước, nó đòi hỏi một sự nỗ lực ý chí nhất định và cần có những thủ thuật, phương pháp nhất định. Để ghi nhớ có chủ định đạt hiệu quả phải luyện tập thường xuyên để nâng cao khả năng ghi nhớ tài liệu.

"Phải tập trung chú ý cao khi ghi nhớ, có hứng thú, say mê với tài liệu ghi nhớ, ý thức được tầm quan trọng của tài liệu ghi nhớ và xác định được tầm thế ghi nhớ lâu dài đối với tài liệu" [13, tr.192].

Ghi nhớ có chủ định có sau ghi nhớ không chủ định trong đời sống cá thể nhưng ngày càng tham gia nhiều vào quá trình tiếp thu tri thức. Trong hoạt động cũng như trong cuộc sống hàng ngày, hai loại ghi nhớ này đan xen vào nhau hỗ trợ nhau trong việc nhớ tri thức, tình cảm và kỹ năng hành động.

Ghi nhớ có chủ định được thực hiện bằng hai phương pháp: ghi nhớ máy móc và ghi nhớ ý nghĩa.

1.6.2.1 Ghi nhớ máy móc

Ghi nhớ máy móc là loại ghi nhớ dựa trên sự lặp đi lặp lại nhiều lần một cách đơn giản, tạo ra mối liên hệ bề ngoài giữa các phần của tài liệu ghi nhớ, không cần thông hiểu nội dung tài liệu.

Cách ghi nhớ này thường tìm mọi cách đưa vào trí nhớ tất cả những gì có trong tài liệu một cách chi tiết và chính xác. Nhưng do không hiểu nội dung tài liệu nên trong trí nhớ gồm toàn tài liệu không liên quan gì với nhau. "Học vẹt" là một biểu hiện cụ thể của cách ghi nhớ này, trí nhớ có thể được chất đầy tài liệu nhưng không có ích, học sinh nhớ nhưng không biết vận dụng tri thức để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

Học sinh thường ghi nhớ máy móc trong những trường hợp sau:

1. Không thể hoặc lười không chịu tìm hiểu ý nghĩa của tài liệu.
2. Các phần của tài liệu rời rạc không có quan hệ logic với nhau.
3. Giáo viên thường xuyên yêu cầu học sinh trả lời đúng từng chữ trong sách.

Ghi nhớ máy móc thường dẫn đến sự ghi nhớ một cách hình thức, tốn nhiều thời gian, khi quên khó có thể hồi tưởng được. Tuy nhiên trong cuộc sống, ghi nhớ máy móc trở nên hữu ích trong trường hợp ta phải ghi nhớ những tài liệu không có nội dung khái quát, đòi hỏi phải nhớ chính xác như số nhà, số điện thoại, số chứng minh thư, ngày tháng năm sinh, ...

1.6.2.2 Ghi nhớ ý nghĩa (ghi nhớ logic)

Ghi nhớ ý nghĩa là loại ghi nhớ dựa trên sự thông hiểu nội dung của tài liệu, trên sự nhận thức được mối liên hệ logic giữa các bộ phận của tài liệu đó. Tức là ghi nhớ tài liệu trên cơ sở hiểu bản chất của nó. Ở đây quá trình ghi nhớ gắn liền với quá trình tư duy và tưởng tượng, nhằm nắm lấy logic nội tại (bản chất) của tài liệu. Do vậy người ta còn gọi ghi nhớ ý nghĩa là ghi nhớ logic.

Ghi nhớ ý nghĩa là loại ghi nhớ chủ yếu trong hoạt động nhận thức, nó đảm bảo cho sự lĩnh hội tri thức một cách sâu sắc và bền vững.

Sở dĩ ghi nhớ ý nghĩa có hiệu quả cao vì trong quá trình ghi nhớ ý nghĩa học sinh phải tích cực tư duy để tìm ra những mối quan hệ giữa các thành phần, các ý của tài liệu. Học sinh phải dùng ngôn ngữ để khái quát và đưa

chúng vào cùng một loại, một nhóm gắn liền với kiến thức cũ. Tuy nhiên trong học tập, học sinh không phải chỉ cần ghi nhớ những ý chính mà còn phải ghi nhớ các công thức, quy tắc, sự kiện lịch sử,... Vì vậy, giáo viên phải chủ động rèn luyện cho học sinh ghi nhớ chính xác tài liệu trên cơ sở hiểu chúng.

****Các biện pháp ghi nhớ ý nghĩa***

1. Ghi nhớ theo điểm tựa

Trên cơ sở hướng dẫn học sinh hiểu nội dung bài học, thông qua trả lời câu hỏi, giáo viên hướng dẫn học sinh làm những việc sau:

- Phân chia tài liệu thành các đoạn.

- Đặt cho mỗi đoạn một tên thích hợp nhất với nội dung của nó gọi là điểm tựa (sau này đây sẽ là những điểm tựa để tái hiện nội dung từng đoạn).

- Nói liền những điểm tựa tạo thành dàn bài để ghi nhớ.

Biện pháp này thường được sử dụng khi học thuộc lòng.

2. Tiến hành các thao tác tư duy

Hướng dẫn học sinh tiến hành các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hoá, khái quát hoá với tài liệu học tập đồng thời đó cũng chính là quá trình ghi nhớ nội dung bài học.

3. Tái hiện dưới hình thức nói thắm

Nói thắm chính là nói cho mình nghe. Việc tái hiện theo hình thức nói thắm được tiến hành theo trình tự sau:

- Định hướng, tập trung chú ý cao vào toàn bộ tài liệu.

- Phân chia tài liệu thành những nhóm yếu tố cơ bản.

- Xác định các mối liên hệ trong mỗi nhóm.

- Tái hiện tài liệu bằng hình thức nói thắm (không tri giác tài liệu) khoảng 3 - 4 lần

- Ghi ra giấy những điều tái hiện được đối chiếu với tài liệu cần ghi nhớ.

4. Tổ chức cho học sinh vận dụng tri thức để giải các bài tập.

Đó là vận dụng những định nghĩa, công thức, quy tắc... để giải các bài tập cụ thể.

5. Ôn tập

Ôn tập cũng là một biện pháp quan trọng để ghi nhớ một cách chính xác và lâu dài. Ôn tập phải được tiến hành ngay, không nên để quá lâu sau khi ghi nhớ tài liệu: "học bài nào xào bài ấy". Phải ôn tập xen kẽ, không nên ôn tập liên tục một môn học, ôn tập phải có nghỉ ngơi, không nên ôn tập trong một thời gian dài. Cần thay đổi đổi các hình thức và phương pháp ôn tập.

Kết luận: Trong học tập cả ghi nhớ không chủ định và ghi nhớ có chủ định đều cần thiết vì học sinh không phải chỉ cần ghi nhớ những ý chính mà có khi phải ghi nhớ những bài thơ, công thức, khái niệm, quy tắc, câu, từ... do đó chúng ta phải biết phối hợp hai loại ghi nhớ này.

1.7 Học sinh tiểu học

1.7.1 Khái niệm học sinh tiểu học

Lứa tuổi học sinh tiểu học bắt đầu từ 6 tuổi, kết thúc 11 tuổi. Đó là những em đang học từ lớp 1 đến lớp 5.

Học sinh tiểu học là một giai đoạn phát triển của trẻ em có hoạt động học là hoạt động chủ đạo, đây là hoạt động lần đầu tiên xuất hiện có đối tượng là tri thức khoa học.

Học sinh tiểu học là một thực thể hồn nhiên, tiềm tàng khả năng phát triển, được biểu hiện ở việc tiếp thu nội dung các môn học.

1.7.2 Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh lớp 4

1.7.2.1 Đặc điểm sinh lý

Sự phát triển cơ thể ở lứa tuổi này diễn ra bình thường, cấu tạo tế bào thần kinh gần giống với cấu tạo tế bào thần kinh người lớn. Những đặc điểm này tạo điều kiện thuận lợi để học sinh tiến hành hoạt động học có đối tượng là tri

thức khoa học. Quá trình hưng phấn mạnh hơn ức chế, những đường liên hệ thần kinh tạm thời trên vỏ não của học sinh dễ hình thành nhưng lại không bền vững dẫn đến học sinh dễ nhớ nhưng lại chóng quên.

1.7.2.2 Đặc điểm tâm lý

- Tri giác phân tích được hình thành và phát triển mạnh tuy nhiên tri giác của học sinh vẫn còn gắn với hoạt động vật chất và gắn liền với cảm xúc.

- Chú ý không chủ định vẫn phát triển, chú ý có chủ định bắt đầu ổn định và bền vững.

- Trí nhớ trực quan phát triển tốt hơn trí nhớ từ ngữ trừu tượng, trí nhớ trong thời gian ngắn phát triển tốt hơn trí nhớ trong thời gian dài, trí nhớ không chủ định và có chủ định phát triển mạnh.

- Tư duy cụ thể vẫn tiếp tục phát triển, tư duy trừu tượng đang dần dần chiếm ưu thế.

- Khả năng tưởng tượng phát triển phong phú, mang tính hiện thực hơn. Tuy nhiên tưởng tượng của các em còn tản mạn ít có tổ chức.

- Tình cảm còn gắn liền với tính trực quan, hình ảnh cụ thể; các em dễ xúc động, khó làm chủ và chưa điều khiển được cảm xúc của mình.

1.8 Đặc điểm hoạt động học tập và một số đặc điểm tâm lý của học sinh ở giai đoạn thứ hai Tiểu học có liên quan đến đề tài khoá luận

1.8.1 Đặc điểm hoạt động học tập

Hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo của học sinh Tiểu học. Đây là hoạt động lần đầu tiên xuất hiện với tư cách là chính nó và tạo ra cái mới trong tâm lý, quy định chiều hướng và phát triển tâm lý của học sinh.

1.8.2 Một số đặc điểm tâm lý của học sinh ở giai đoạn thứ hai Tiểu học có liên quan đến đề tài khoá luận.

Tri giác vẫn còn gắn liền với tính tổng thể, tri giác phân tích đang dần dần chiếm ưu thế. Ở giai đoạn này, tri giác của học sinh còn gắn liền với

những cảm xúc nghĩa là sự vật, hiện tượng gây dựng cảm xúc thì học sinh tri giác tốt hơn. Các loại tri giác không gian, thời gian vận động, hình thành và phát triển mạnh. Từ đó, vốn biểu tượng của học sinh tăng lên đáng kể so với giai đoạn trước.

Tư duy cụ thể vẫn tiếp tục phát triển, tư duy trừu tượng đang dần dần chiếm ưu thế, nghĩa là học sinh tiếp thu khái niệm mới dựa vào các khái niệm đã tiếp thu được thay thế bằng ngôn ngữ, ký hiệu. Tuy nhiên tư duy trừu tượng ở giai đoạn này phải dựa vào tư duy cụ thể. Khả năng khái quát hóa và suy luận của học sinh phát triển hơn giai đoạn trước. Học sinh đã biết căn cứ vào những dấu hiệu bản chất của đối tượng để khái quát thành khái niệm và không chỉ suy luận từ nguyên nhân ra kết quả mà còn suy luận từ kết quả ra nguyên nhân.

Khả năng tưởng tượng tái tạo của học sinh ở giai đoạn này khá tốt: các hình ảnh tưởng tượng tái tạo đầy đủ, ổn định. Tưởng tượng sáng tạo bước đầu được hình thành.

Động cơ học tập bắt đầu ổn định, động cơ nhận thức đang dần dần chiếm ưu thế.

Những đặc điểm tâm lý trên có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng trí nhớ của học sinh.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÁC LOẠI GHI NHỚ CỦA HỌC SINH LỚP 4A1 VÀ LỚP 4A2 TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYỀN – THÀNH PHỐ VĨNH YÊN – VĨNH PHÚC

2.1 Ghi nhớ không chủ định

2.1.1 Ghi nhớ không chủ định của học sinh ở môn Toán

Để khảo sát và đánh giá việc sử dụng biện pháp ghi nhớ không chủ định của học sinh lớp 4 ở môn Toán, chúng tôi tiến hành dự giờ 4 tiết dạy bài mới môn Toán ở lớp 4A1, lớp 4A2 trường Tiểu học Ngô Quyền – Thành phố Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc (mỗi lớp 2 tiết). Sau mỗi tiết dự, soạn bài tập dưới dạng câu hỏi để kiểm tra những tri thức học sinh nhớ lại được của tiết học. Yêu cầu học sinh ghi những tri thức đã nhớ được ra giấy và sau đó giáo viên thu lại và chấm theo thang điểm 10. Quy số liệu (điểm của học sinh) ra phần trăm và lập bảng số liệu.

* *Câu hỏi:*

Câu 1: Nêu đặc điểm của hình thoi

Câu 2: Nêu quy tắc và công thức tính diện tích hình thoi.

Câu 3: Tính diện tích của hình thoi biết độ dài hai đường chéo là:

a. $AC = 16\text{dm}$ và $BD = 24\text{dm}$

b. $MP = 6\text{cm}$ và $QN = 4\text{cm}$

Câu 4: Cho hình thoi ABCD có tổng độ dài hai đường chéo AC và BD là 40 m; và AC lớn hơn BD là 10 m. Tính diện tích hình thoi ABCD.

* *Mức độ nhớ:*

- Tái hiện lại được tri thức của tiết học một cách đầy đủ: Nêu được đặc điểm của hình thoi, quy tắc tính diện tích hình thoi và biết áp dụng các quy tắc ấy để giải bài tập 3, bài tập 4 đạt (9-10 điểm).
- Học sinh không nhớ được chính xác đặc điểm của hình thoi và quy tắc tính diện tích hình thoi nhưng đa số các em lại áp dụng được

công thức tính diện tích hình thoi để làm bài tập. Tùy vào bài làm mà đạt (7-8 điểm) hay (5-6 điểm).

- Các em nêu chưa chính xác hoặc không nêu được đặc điểm của hình thoi, quy tắc tính diện tích của hình thoi; không biết áp dụng quy tắc, công thức để tính diện tích hình thoi hoặc biết áp dụng nhưng tính toán lại sai. Tùy vào bài làm mà đạt (3-4 điểm) hay (<3 điểm).

Kết quả thu được như sau:

Bảng 1: Ghi nhớ không chủ định của học sinh lớp 4A1 và lớp 4A2 ở môn Toán

điểm lớp	9 - 10	7 - 8	5 - 6	3 - 4	< 3
4A1	35% (14HS)	37,5% (15HS)	17,5% (7HS)	5% (2HS)	5% (2 HS)
4A2	32,5% (13HS)	37,5% (15HS)	20% (8HS)	7,5% (3HS)	2,5% (1HS)

Dựa vào bảng số liệu trên ta thấy mặc dù đặc trưng của môn toán mang tính thực hành nhiều. Giáo viên tổ chức cho học sinh thực hành, vận dụng kiến thức mới ngay trong tiết dạy bài mới để học sinh “học qua làm”. Từ đó giúp học sinh tự chiếm lĩnh kiến thức mới bằng cách giáo viên sử dụng các bài tập trong toán 4 để tổ chức cho học sinh tự làm bài theo năng lực của mình song số học sinh nhớ đầy đủ lượng tri thức của tiết học chiếm tỉ lệ chưa cao. Đa số học sinh có điểm khá và trung bình. Thực trạng này một phần nguyên nhân là do ngôn ngữ và khả năng ghi nhớ của các em còn hạn chế, việc ghi nhớ công thức thường dễ dàng hơn quy tắc. Chỉ còn số ít học sinh có điểm dưới trung bình, rơi vào những học sinh yếu kém, trong lớp lại không chú ý nghe giảng.

Tổng hợp ta có kết quả sau:

**Bảng 2: Kết quả ghi nhớ không chủ định của học sinh lớp 4A1
và lớp 4A2 ở môn Toán**

Kết quả	9 - 10	7 - 8	5 - 6	3 - 4	< 3
(%)	33,75%	37,5%	18,75%	6,25%	3,75%

Như vậy kết quả điều tra cho thấy mức độ nắm vững tri thức bằng cách ghi nhớ không chủ định của học sinh sau mỗi tiết học chưa cao (33,75%). Đối với học sinh tiểu học khả năng tự làm việc với tài liệu học tập còn rất kém nên cần có sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên.

Ví dụ: Tìm hai số, biết tổng của hai số là 36 và tỉ số của hai số là $\frac{4}{5}$. Học sinh có thể tự tìm ra được hai số là 16 và 20 nhưng không tự rút ra được các bước chung khi giải bài toán “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó” là:

Bước 1: Vẽ sơ đồ minh họa bài toán.

Bước 2: Tìm tổng số phần bằng nhau.

Bước 3: Tìm số bé = Giá trị của một phần x số phần của số bé.

Bước 4: Tìm số lớn bằng 2 cách :

+ Cách 1: Số lớn bằng giá trị của một phần x số phần của số lớn.

+ Cách 2: Số lớn = Tổng – số bé.

Vì vậy trong quá trình dạy học nếu giáo viên sử dụng phương pháp dạy học và lựa chọn hình thức tổ chức dạy học không hợp lí, sử dụng đồ dùng trực quan không đúng chỗ hoặc thiếu đồ dùng dạy học, bài giảng không logic, giọng nói thiếu truyền cảm... sẽ không thu hút được sự tập trung chú ý cao độ của học sinh, không gây được ấn tượng, cảm xúc mạnh vì thế không tạo được ở học sinh hứng thú sâu sắc với môn học, giáo viên không chú ý để tách kiến thức chủ yếu, quan trọng của bài học và tổ chức cho học sinh ghi nhớ, nắm

chắc kiến thức quan trọng đó, học sinh ít suy nghĩ về tài liệu mới để chủ động chiếm lĩnh tri thức,... Do vậy, học sinh khó có thể ghi nhớ tài liệu một cách không chủ định, việc học sẽ trở nên mệt mỏi, căng thẳng.

Sự ghi nhớ không chủ định giúp học sinh có thể nhớ nhanh, nhớ sâu và tốn ít năng lượng, việc học sẽ trở nên nhẹ nhàng hơn. Vì vậy, trong quá trình dạy học và giáo dục, người thầy cần lựa chọn sử dụng kết hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học một cách hợp lý để tạo ra một phương pháp dạy học tối ưu nhất phù hợp với đối tượng học sinh của mình để nâng cao khả năng ghi nhớ không chủ định của học sinh nhằm phát huy được những đặc điểm tích cực của hình thức ghi nhớ này.

2.1.2 Điều tra sự ghi nhớ không chủ định của học sinh lớp 4 thông qua hành động giải bài tập của học sinh.

Để điều tra mức độ nắm vững tri thức của học sinh sau khi giải bài tập bằng cách ghi nhớ không chủ định, căn cứ vào chương trình Toán 4 chúng tôi đã soạn một số bài tập để đo với 2 loại bài tập (mỗi loại 4 bài tập) như sau:

Loại bài tập 1: Loại bài tập có sẵn lời văn.

*** Bài tập:**

Bài 1: Một mảnh vườn hình chữ nhật, biết chiều dài là 3600m, chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Tính chu vi mảnh vườn đó?

Bài 2: Bạn Mạnh đi học từ nhà lúc 6 giờ 15 phút và đến trường lúc 7 giờ 10 phút. Hỏi để đi từ nhà đến trường thì bạn Mạnh đi mất bao nhiêu thời gian?

Bài 3: Một máy cày buổi sáng cày được $\frac{3}{4}$ cánh đồng, buổi chiều cày được $\frac{1}{5}$ cánh đồng. Hỏi còn bao nhiêu phần cánh đồng chưa cày?

Bài 4: Hai lớp trồng được 424 cây xanh. Lớp 4A có 25 bạn, lớp 4B có 28 bạn. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây xanh? Biết rằng năng suất trồng của mỗi bạn là như nhau.

***Cách tiến hành kiểm tra với loại bài tập này:**

- Giáo viên viết 4 bài tập lên bảng, học sinh giải bài tập vào giấy.
- Sau đó giáo viên thu giấy và xóa bảng, yêu cầu học sinh nhớ lại các số đã được đưa vào trong dữ kiện mỗi bài tập và ghi ra giấy. Sau đó giáo viên thu lại, xử lý và đánh giá theo tiêu chuẩn quy định.

Loại bài tập 2: Loại bài toán được đưa ra dưới dạng tóm tắt.

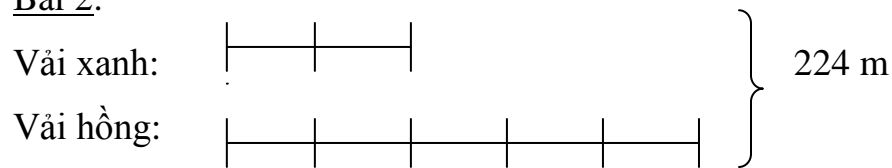
*** Bài tập:**

Bài 1:

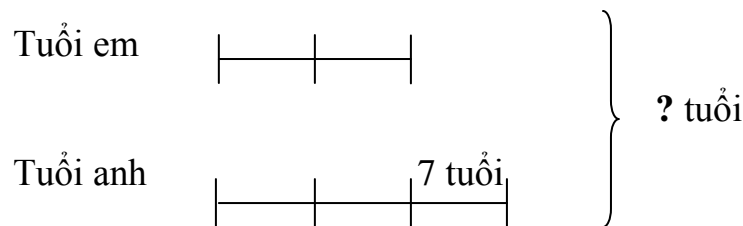
15 người hái được: 75 quả cam

? : 50 quả cam

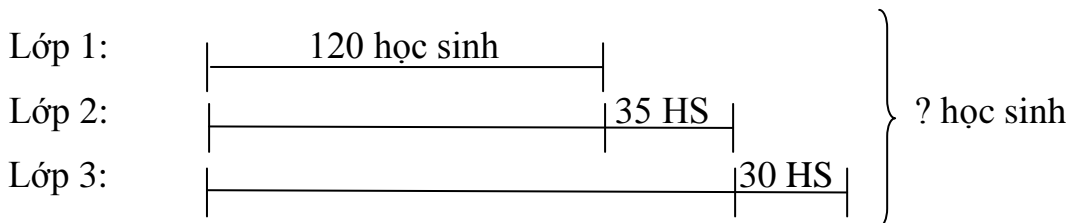
Bài 2:



Bài 3:



Bài 4:



*** Cách tiến hành kiểm tra với loại bài tập này:**

- Giáo viên chép 4 bài tập tóm tắt lên bảng.
- Yêu cầu học sinh lập bài toán có lời văn đúng với tóm tắt của bài, sau đó học sinh giải, giáo viên xóa bảng và thu lại. Yêu cầu học sinh nhớ lại các số đã được đưa vào trong dữ kiện mỗi bài tập và ghi ra giấy. Sau đó giáo viên thu lại, xử lý và đánh giá theo tiêu chuẩn.

***Tiêu chuẩn đánh giá:**

- Nhớ đúng được 8-10 số: Nhớ đầy đủ các dữ kiện
- Nhớ đúng dưới 8 số: Nhớ không đầy đủ dữ kiện
- Nhớ sai tất cả các số: Nhớ sai

Sau khi thu phiếu bài tập của học sinh, đánh giá và xử lý số liệu ra phần trăm ta được kết quả điều tra như sau:

Bảng 3: Kết quả ghi nhớ không chủ định của học sinh lớp 4A1 và lớp 4A2 thông qua hành động giải bài tập

Bài tập \ Kết quả	Nhớ đầy đủ các dữ kiện	Nhớ không đầy đủ các dữ kiện	Nhớ sai
Loại 1	30% (12HS)	62,5% (25HS)	7,5% (3HS)
Loại 2	57,5% (23HS)	40% (16HS)	2,5% (1HS)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy, số lượng học sinh nhớ đầy đủ các dữ kiện của bài toán ở loại bài tập 2 (loại bài tập được đưa dưới dạng tóm tắt) chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với loại bài tập 1 (loại bài toán có sẵn lời văn). Sở dĩ có kết quả như vậy là do loại bài tập 2 học sinh phải dựa trên số

liệu của phần tóm tắt để đặt lời phù hợp cho bài toán, tức là học sinh phải thêm một bước, thêm một thao tác với nội dung của tài liệu trước khi bắt tay vào giải bài tập đó, vì vậy việc ghi nhớ tài liệu một cách không chủ định sẽ dễ dàng, tự nhiên và hiệu quả hơn.

Điều này cho thấy nếu nội dung của tài liệu trở thành mục đích chính của hành động thì khả năng ghi nhớ không chủ định sẽ đạt được hiệu quả cao. Do khi học sinh phải tư duy về tài liệu mới thì việc ghi nhớ tài liệu đó sẽ diễn ra một cách không chủ định trong chính quá trình học sinh tư duy.

2.2 Ghi nhớ có chủ định

Để đánh giá mức độ sử dụng biện pháp ghi nhớ máy móc và ghi nhớ ý nghĩa của học sinh lớp 4, căn cứ vào nội dung chương trình Toán 4 và đặc trưng của dạng toán 4 về dãy số, đó là tính quy luật và việc áp dụng các ghi nhớ ý nghĩa sẽ đem lại kết quả chính xác, rõ ràng hơn ghi nhớ máy móc khi gặp dạng toán này. Chúng tôi đã xây dựng một số bài tập để kiểm tra học sinh đối với môn Toán:

Bài tập: Bằng cách tốt nhất em hãy ghi nhớ dãy số sau: 4; 7; 10; 13; 16; 19; 22; 25; 28; 31 và nhớ được bất cứ số nào của dãy số.

***Cách tiến hành điều tra đối với loại bài tập này như sau:**

- Học sinh ghi ra giấy phần trả lời các câu hỏi của bài tập.
- Sau đó giáo viên thu lại, phân tích số liệu theo các loại sau:
 - +Số học sinh học thuộc từng số hạng bằng ghi nhớ máy móc.
 - +Số học sinh học thuộc dãy số bằng cách tìm ra các số hạng liên tiếp cách nhau 3 đơn vị để nhớ (ghi nhớ ý nghĩa ở mức độ thấp).
 - +Số học sinh tìm ra công thức để nhớ dãy số : $3n+1; n \geq 1$ (ghi nhớ ý nghĩa ở mức độ cao).

Sau khi tiến hành kiểm tra và đánh giá bài làm của học sinh, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 4: Ghi nhớ máy móc và ghi nhớ ý nghĩa của học sinh lớp 4A1 và lớp 4A2 ở môn toán

Loại lớp	Ghi nhớ máy móc	Ghi nhớ ý nghĩa ở mức độ thấp	Ghi nhớ ý nghĩa ở mức độ cao
4A1	30% (12HS)	52,5% (21HS)	17,5% (7HS)
4A2	27,5% (11HS)	57,5% (23HS)	15% (6HS)
Kết quả	23 (HS) 28,75%	44 (HS) 55%	13 (HS) 16,25%

Kết quả điều tra cho thấy một số học sinh đã biết sử dụng biện pháp ghi nhớ ý nghĩa, nhưng tỉ lệ này không cao (16,25%) và chủ yếu ghi nhớ ý nghĩa ở mức độ thấp. Đa số học sinh dùng cách ghi nhớ máy móc. (VD: Số hạng đằng sau bằng số hạng đứng liền trước cộng thêm 3 đơn vị), còn một số học sinh vẫn dùng cách ghi nhớ máy móc bằng cách đọc nhiều lần để thuộc nội dung tài liệu chứ chưa có thói quen và không nắm được cách ghi nhớ một dãy số là phải dựa vào công thức, quy luật của dãy số đó. Do vậy học sinh không thể nhớ chính xác và đầy đủ nội dung của tài liệu học tập cũng như gặp không ít khó khăn khi giải dạng bài tập này và những dạng toán khác vì ghi nhớ ý nghĩa còn yếu lại chưa được chú ý, rèn luyện.

2.3 Nguyên nhân ảnh hưởng đến sự ghi nhớ của học sinh

Để tìm hiểu nguyên nhân ảnh hưởng đến sự ghi nhớ của học sinh, tôi tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi, gồm những câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn.

*** Phiếu hỏi**

- Một ngày em thường ngủ mấy tiếng? Vào những thời gian nào?
- Em thường xem tivi hay online vào lúc nào? Khoảng bao lâu?

- Em có thường xuyên trò chuyện, vui chơi với những người thân trong gia đình hay bạn bè xung quanh không?
- Khi gặp bài tập khó em xử lý như thế nào? (cố gắng suy nghĩ để tìm ra cách giải; hỏi bạn bè, người lớn hay chép sách giải...)

Phát phiếu cho học sinh, yêu cầu học sinh trả lời nhanh, thu lại, tổng hợp và phát hiện ra một số nguyên nhân ảnh hưởng đến sự ghi nhớ của học sinh như sau:

2.3.1 Nguyên nhân chủ quan

Ngủ không đủ giấc làm cho trẻ mất tập trung vào bài học, dẫn đến hiệu quả ghi nhớ không cao. Ngủ không đúng giấc sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển trí lực và khả năng tiếp thu học tập.

Xem tivi hay online quá nhiều sẽ làm trẻ ham mê, mất nhiều thời gian học tập của trẻ, dẫn đến kết quả học tập không cao.

Ít giao tiếp với người thân, bạn bè. Khi giao tiếp với mọi người xung quanh ngôn ngữ được phát triển ở thùy não. Nói chuyện cũng như giao tiếp thường xuyên sẽ thúc đẩy sự phát triển và chức năng ghi nhớ của não bộ. Quá trình giao tiếp phong phú cũng góp phần kích thích vận động trí não của trẻ.

Ăn quá no trong một thời gian dài sẽ có thể dẫn đến sự sinh trưởng của một số tế bào có hại trong não, chúng tích lũy trong não và dần dần sẽ dẫn đến xơ cứng động mạch ở đây. Thời gian dài, tế bào não bị thiếu ôxy và chết dần khiến chức năng não suy giảm, thậm chí làm giảm trí thông minh.

Lười suy nghĩ cũng là nguyên nhân dẫn đến sự ghi nhớ dần giảm sút. Suy nghĩ chính là một hình thức tập thể dục cho não. Việc vận dụng trí óc vào suy đoán, xử lý sẽ giúp trí tuệ được phát triển tốt hơn. Khả năng ghi nhớ ngày càng được nâng cao.

2.3.2 Nguyên nhân khách quan

Bên cạnh nguyên nhân chủ quan thì nguyên nhân khách quan cũng ảnh hưởng lớn tới ghi nhớ của học sinh.

Trong quá trình giảng dạy giáo viên chưa chú ý hướng dẫn cho học sinh ghi nhớ tài liệu học tập bằng các biện pháp ghi nhớ, đặc biệt là ghi nhớ ý nghĩa. Khi dạy bài mới giáo viên chưa đưa ra hệ thống câu hỏi gợi ý để hướng dẫn học sinh tìm hiểu, khám phá nội dung bài học. Hơn nữa, trong quá trình học sinh phát biểu giáo viên chưa chú ý rèn cho học sinh kỹ năng diễn đạt theo ý hiểu của mình. Giáo viên chưa biết tổ chức các hoạt động phù hợp nhằm phát triển khả năng ghi nhớ cho học sinh. Đây cũng là nguyên nhân chính ảnh hưởng đến sự ghi nhớ của học sinh.

Môi trường các em sinh sống và học tập cũng ảnh hưởng đến sự ghi nhớ: các em ở khu vực thành phố, thị xã, thị trấn sẽ có khả năng ghi nhớ tốt hơn so với các em ở khu vực nông thôn.

Tâm lý cũng ảnh hưởng đến chất lượng ghi nhớ của trẻ. Khi trẻ có tâm lý tốt thì ghi nhớ tốt hơn so với lúc tâm lý không tốt.

Trẻ mắc một số bệnh liên quan đến não như: chậm phát triển trí tuệ, tự kỉ ở mức độ nhẹ hoặc do tai nạn chấn thương não cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc ghi nhớ của trẻ.

Căn cứ vào kết quả điều tra và phân tích trên đây ta thấy học sinh lớp 4, ghi nhớ có chủ định phát triển mạnh nhưng khả năng ghi nhớ ý nghĩa ở mức độ cao vẫn còn thấp lại ít được chú ý, rèn luyện; vẫn còn nhiều học sinh ghi nhớ máy móc tài liệu học tập. Học sinh chưa biết tách những tri thức nào của bài học là quan trọng cần phải ghi nhớ và ghi nhớ theo logic nào. Do đó, phần lớn học sinh không hiểu sâu bài học, không nhớ và tái hiện được một cách chính xác tài liệu học tập, đồng thời khả năng vận dụng tri thức để giải bài tập còn hạn chế.

Học sinh không tự phân biệt được tri thức nào là cơ bản cần phải nhớ lâu dài nên chưa có ý thức và biện pháp ôn tập những tri thức đó. Do vậy các em

quên rất nhiều kiến thức bài học cũ, gây ra nhiều khó khăn khi các em tiếp thu kiến thức bài học mới có liên quan đến kiến thức cũ.

Nội dung của tài liệu cũng như phương pháp và hình thức tổ chức dạy học chưa phát huy được tính chủ động, tích cực của người học nên ghi nhớ cũng chưa có điều kiện được rèn luyện và phát triển đúng mức, dẫn đến chất lượng học tập chưa cao, chưa đều.

Chương 3

THỬ NGHIỆM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI GHI NHỚ CHO HỌC SINH LỚP 4A1 VÀ LỚP 4A2 TRƯỜNG TIỂU HỌC NGÔ QUYÊN – THÀNH PHỐ VINH YÊN – VINH PHÚC

3.1 Mở đầu

3.1.1 Mục tiêu thử nghiệm.

Hiệu quả trí nhớ của học sinh phụ thuộc vào: nội dung tài liệu được ghi nhớ, đặc điểm của hoạt động học, mức độ nắm phương pháp và cách thức thích hợp để ghi nhớ và tái hiện tài liệu.

Mục tiêu thử nghiệm là bằng phương pháp dạy học, hình thành cho học sinh các biện pháp ghi nhớ không chủ định và ghi nhớ có chủ định, biện pháp ghi nhớ ý nghĩa nhằm nâng cao hiệu quả ghi nhớ cho học sinh.

3.1.2 Nội dung cơ bản của chương trình thử nghiệm

Chương trình được thực hiện bằng 5 tiết dạy bài mới ở môn Toán lớp 4.

3.1.2.1. Soạn giáo án, dạy thử nghiệm

Hướng dẫn, tổ chức cho học sinh thực hiện hoạt động học tập theo yêu cầu: phát huy tính tích cực, tự lực, chủ động của học sinh. Cụ thể:

a. Học sinh tự giác làm việc với tài liệu học tập để tự chiếm lĩnh tri thức mới của bài học.

b. Học sinh thiết lập được mối quan hệ giữa kiến thức mới kiến thức cũ đã học.

3.1.2.2 Hình thành cho học sinh các biện pháp ghi nhớ logic

Muốn có trí nhớ tốt thì phải luyện tập thường xuyên để nâng cao khả năng ghi nhớ, gìn giữ và tái hiện tài liệu ghi nhớ. Phải tập trung chú ý cao khi ghi nhớ, có hứng thú, say mê với tài liệu ghi nhớ, ý thức được tầm quan trọng của tài liệu ghi nhớ và xác định được tâm thế ghi nhớ lâu dài với tài liệu. Trong

hoạt động học tập, ghi nhớ logic là phương pháp ghi nhớ tốt nhất đối với học sinh. Bởi vì học sinh có ghi nhớ logic nội dung bài học nghĩa là hiểu để mà ghi nhớ thì những kiến thức ghi nhớ được học sinh có thể vận dụng để giải bài tập, để tiếp thu tri thức mới. Hơn nữa những nội dung đã ghi nhớ thì lâu quên. Vì vậy chúng tôi đã hình thành và rèn luyện cho học sinh một số biện pháp ghi nhớ sau:

1. Ghi nhớ theo điểm tựa: Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện:

- Trên cơ sở phân tích hiểu nội dung tài liệu, học sinh phân chia tài liệu cần ghi nhớ thành những đơn vị nhỏ, phát hiện những đơn vị logic cấu tạo nên tài liệu đó.

- Đặt tên cho mỗi đơn vị nhỏ một tên thích hợp nhất với nội dung của nó. (tạo điểm tựa để tái hiện nội dung từng đơn vị).

- Nối liền những điểm tựa tạo thành quy tắc, định nghĩa để ghi nhớ (phát hiện những đơn vị logic cấu tạo nên tài liệu đó).

2. Tiến hành các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, so sánh, trừu tượng hoá, khái quát hoá tài liệu học tập đồng thời cũng là quá trình ghi nhớ tài liệu học tập đó. Biện pháp này chủ yếu ghi nhớ công thức quy tắc, định nghĩa, khái niệm, ...

3. Tái hiện tài liệu bằng hình thức nói thầm: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm những việc sau:

- Định hướng, tập trung chú ý cao vào toàn bộ tài liệu.

- Phân chia tài liệu thành những nhóm yếu tố cơ bản.

- Xác định các mối liên hệ trong mỗi nhóm.

- Tái hiện tài liệu bằng hình thức nói thầm (không tri giác tài liệu) khoảng 3 - 4 lần.

- Ghi ra giấy những điều tái hiện được đối chiếu với tài liệu cần ghi nhớ.

Biện pháp này phức tạp khó với học sinh tiểu học đòi hỏi giáo viên phải hướng dẫn tỉ mỉ và làm mẫu đồng thời kiểm tra thường xuyên.

4. Tổ chức cho học sinh vận dụng tri thức để giải bài tập

Vận dụng những định nghĩa, công thức, quy tắc... để giải các bài tập cụ thể. Bên cạnh đó, ôn tập cũng là một biện pháp quan trọng để ghi nhớ một cách vững chắc và lâu dài. Việc ôn tập xen kẽ, không ôn tập liên tục một môn học, ôn tập có nghỉ ngơi, không ôn tập liên tục trong một thời gian dài. Linh hoạt thay đổi các hình thức và phương pháp ôn tập

Chúng tôi tiến hành thực hiện những biện pháp trên qua các tiết dạy bài mới và tiết luyện tập trong quá trình dạy thử nghiệm chương trình hình thành và phát triển các biện pháp ghi nhớ cho học sinh lớp 4

3.1.3 Khách thể thử nghiệm và đối chứng.

Khách thể thử nghiệm là 40 học sinh lớp 4A1 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.

Khách thể đối chứng là 40 học sinh lớp 4A2 trường Tiểu học Ngô Quyền - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.

3.2. Kết quả nghiên cứu

3.2.1. Ghi nhớ không chủ định của lớp thử nghiệm và đối chứng

Để điều tra sự ghi nhớ không chủ định của lớp thử nghiệm và đối chứng, chúng tôi tiến hành như sau:

Sau mỗi bài học, giáo viên yêu cầu học sinh nhớ lại tri thức của tiết học bằng cách ghi ra giấy (ở cả lớp thử nghiệm và lớp đối chứng). Giáo viên thu bài làm của học sinh, chấm theo thang điểm 10, xử lí số liệu ra phần trăm và lập bảng so sánh.

* **Câu hỏi:** Sau khi học xong bài “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó”, em hãy trả lời những câu hỏi sau:

Câu 1: Tổng của hai số tương ứng với điều gì?

Câu 2: Số bé được tìm như thế nào?

Câu 3: Có mấy cách tìm số lớn?

Câu 4: Nêu cách tìm số lớn?

Kết quả như sau:

Bảng 5: Ghi nhớ không chủ định của học sinh lớp thử nghiệm 4A1 và lớp đối chứng 4A2 ở môn Toán

Kết quả \ Lớp	Lớp thử nghiệm 4A1	Lớp đối chứng 4A2
9-10	37,5%	25%
7-8	35%	40%
5-6	17,5%	20%
3-4	10%	10%
<3	0%	5%

Sau khi thực hiện phương pháp dạy học tích cực bằng các giáo án đã soạn, chúng tôi thấy:

Ở lớp 4A2 (lớp đối chứng), với phương pháp dạy học thụ động, học sinh chỉ nghe thầy thuyết trình, ít được hoạt động, ít được chủ động phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề, đa số học sinh chưa tập trung chú ý và có hứng thú sâu sắc với môn học do đó số học sinh nhớ đầy đủ tri thức của tiết học chỉ đạt 25%, do đó chưa thu hút được sự tập trung chú ý của học sinh, vì vậy số học sinh nhớ đầy đủ tri thức của tiết học chưa được cao. Còn ở lớp 4A1 (lớp thử nghiệm), sau khi soạn giáo án chúng tôi tiến hành dạy thử nghiệm bằng phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; trong quá trình giảng dạy chúng tôi chú ý đưa ra những câu hỏi hoặc tạo ra các tình huống học tập nhằm gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho học sinh. Chúng tôi đã thu được kết quả khả quan: Tỷ lệ học sinh nhớ

chính xác tài liệu bằng cách ghi nhớ không chủ định ở lớp thử nghiệm chiếm tỉ lệ khá cao: 37,5% so với lớp đối chứng là 25%. Số lượng học sinh không ghi nhớ chính xác tri thức của bài học bằng cách ghi nhớ không chủ định ở lớp thử nghiệm ít hơn so với số học sinh ở lớp đối chứng.

Ví dụ: Trong tiết toán “ Diện tích của hình thoi”, học sinh là người trực tiếp tự cắt, ghép hình và tự rút ra được kết luận: là diện tích của hình thoi và diện tích của hình chữ nhật sau khi đó cắt ghép là bằng nhau, từ đó khái quát được quy tắc tính diện tích hình thoi là bằng tích độ dài hai đường chéo rồi chia cho 2. Tức là học sinh được tự phát hiện và chiếm lĩnh tri thức.

Kết quả này khẳng định: Học sinh chỉ có thể dễ dàng ghi nhớ tài liệu một cách không chủ định khi có một động cơ học tập mạnh mẽ, có hứng thú đối với bài học, môn học, biết chuyển nội dung tài liệu cần ghi nhớ trở thành mục đích chính của hành động. Để hình thành được những yếu tố quan trọng này ở học sinh, phụ thuộc phần lớn vào phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của người thầy. Người thầy phải giữ được vai trò là người tổ chức, hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh mọi hoạt động học tập của học sinh để giúp cho học sinh phát huy được tinh thần tự giác học tập, tự chiếm lĩnh tri thức mới của bài học chứ không phải là người thầy làm thay cho học sinh.

3.2.2 Ghi nhớ có chủ định của học sinh lớp thử nghiệm và lớp đối chứng

Vì học sinh lớp 4 đã bắt đầu có khả năng khái quát tài liệu và nắm được một số tính chất của dãy số tự nhiên, nên căn cứ vào chương trình Toán 4 chúng tôi đã xây dựng bài tập để điều tra mức độ ghi nhớ máy móc và ghi nhớ ý nghĩa của học sinh lớp 4, trên quan điểm hình thành cho học sinh các biện pháp ghi nhớ ý nghĩa nhằm nâng cao hiệu quả trí nhớ cho học sinh.

*** Bài tập đối với môn Toán:**

Em hãy ghi nhớ dãy số sau bằng cách tốt nhất?

a+9; b+1; c+2; a+7; b+2; c+4; a+5; b+3; c+6; a+3; b+4; c+8

*** Cách tiến hành điều tra đối với bài tập này như sau:**

- Học sinh viết ra giấy phần trả lời của bài tập.
- Sau đó giáo viên thu lại, phân tích, xử lý số liệu theo tiêu chuẩn sau:
 - + Số học sinh học thuộc từng số hạng bằng cách ghi nhớ máy móc.
 - + Số học sinh học thuộc dãy số bằng cách tìm ra:
 - a lần lượt cộng với các số lẻ: 9, 7, 5, 3
 - b lần lượt cộng với các số tự nhiên: 1, 2, 3, 4
 - c lần lượt cộng với các số chẵn: 2, 4, 6, 8
- + Số học sinh tìm ra quy luật của dãy số:
 - a lần lượt cộng với các số lẻ liên tiếp giảm dần bắt đầu từ 9.
 - b lần lượt cộng với các số tự nhiên bắt đầu từ 1.
 - c lần lượt cộng với các số chẵn tăng dần bắt đầu từ 2.

Kết quả điều tra được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6: Kết quả ghi nhớ máy móc và ghi nhớ ý nghĩa của học sinh lớp thử nghiệm 4A1 và lớp đối chứng 4A2 ở môn Toán

Kết quả Lớp	Ghi nhớ máy móc	Ghi nhớ ý nghĩa ở mức độ thấp	Ghi nhớ ý nghĩa ở mức độ cao
Lớp thử nghiệm (4A1)	12,5% (5 HS)	57,5% (23HS)	30% (12 HS)
Lớp đối chứng (4A2)	57,5% (23 HS)	35% (14 HS)	7,5% (3 HS)

Kết quả điều tra giúp chúng ta so sánh được tỷ lệ học sinh ghi nhớ máy móc và ghi nhớ ý nghĩa ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng: ở lớp thử nghiệm (4A1) tỷ lệ học sinh ghi nhớ được dãy số bằng cách sử dụng phương pháp ghi nhớ ý nghĩa, tức là biết tìm ra được quy luật của dãy số và lấy đó làm điểm tựa để ghi nhớ chiếm tỷ lệ khá cao (30%). Còn ở lớp đối chứng

(4A2), tỷ lệ học sinh sử dụng biện pháp ghi nhớ này không cao, đa số học sinh ghi nhớ dãy số bằng cách học thuộc từng số của dãy số, tức ghi nhớ máy móc và không điền đúng được các số tiếp theo của dãy số đó.

Có được kết quả ở lớp thực nghiệm như trên là do trong các tiết dạy thử nghiệm chúng tôi đã hướng dẫn và rèn cho học sinh phải tìm ra cách để ghi nhớ dãy số đó chính là tìm ra quy luật của dãy số đó. Cách tìm ra quy luật của dãy số là so sánh hai số đứng kề nhau, khi biết được quy luật của dãy số thì chỉ cần nhớ số đầu tiên của dãy số học sinh có thể lập lại được dãy số đã cho mà không cần ghi nhớ từng số của dãy số đó và có thể điền thêm bất cứ số nào đứng trước hay sau số đó vào dãy.

Ví dụ :

- Thứ tự của các số hạng trong dãy như thế nào?

(Dãy số được viết theo thứ tự: $a+..., b+..., c+..., a+..., b+..., c+...$)

- a lần lượt cộng thêm những số như thế nào?

- b lần lượt cộng thêm những số như thế nào?

- c lần lượt cộng thêm những số như thế nào?

Do đó kết quả là khá nhiều học sinh đã phát hiện được các điểm tựa và biết dựa vào các điểm tựa đó để ghi nhớ. Qua đó, các em có điều kiện được rèn luyện cách ghi nhớ ý nghĩa và thói quen ghi nhớ ý nghĩa, giúp học sinh có thể nhớ lâu hơn, nhớ chính xác tài liệu học tập từ đó chất lượng học tập được nâng cao.

Các số liệu và phân tích ở trên đã chứng tỏ rằng ở lớp thử nghiệm việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực: Giáo viên tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích học sinh học tập và mỗi em đều có được kết quả do chính mình làm ra (học sinh trả lời câu hỏi do giáo viên đặt ra). Giáo viên chủ động hình thành cho học sinh các biện pháp ghi nhớ ý nghĩa có tác dụng tốt trong việc phát triển khả năng ghi nhớ cho học sinh.

Tóm lại: Kết quả thử nghiệm cho phép rút ra một số nhận xét sau:

1. Chương trình thử nghiệm đã có tác dụng tích cực đến việc hình thành và phát triển các biện pháp ghi nhớ ý nghĩa cho học sinh. Phương pháp dạy học tích cực mà chúng tôi vận dụng trong dạy thử nghiệm đã thu hút được sự tập trung chú ý cao độ của học sinh, học sinh có hứng thú say mê với môn học. Nhờ đó các em không chỉ ghi nhớ được tài liệu học tập mà còn có khả năng vận dụng được những điều đã ghi nhớ để giải quyết các nhiệm vụ học tập.

2. Việc nâng cao hiệu quả ghi nhớ cho học sinh đã góp phần nâng cao chất lượng học tập cho học sinh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ kết quả khảo sát thực trạng các loại ghi nhớ và thử nghiệm chương trình hình thành và phát triển ghi nhớ cho học sinh lớp 4, có thể rút ra các loại ghi nhớ của học sinh lớp 4 như sau:

1. Ghi nhớ không chủ định và ghi nhớ có chủ định phát triển nhưng ở mức độ chưa cao.

2. Ghi nhớ có chủ định phát triển mạnh.

2.1. Ghi nhớ máy móc: Ở lứa tuổi học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 4 nói riêng thì biện pháp ghi nhớ học sinh hay dùng để ghi nhớ nhiều nhất vẫn là ghi nhớ máy móc. Điều này là do một phần vì trình độ nhận thức của các em còn non kém, các em chưa biết chốt lọc những ý chính mà thường học hết tất cả những gì thầy dạy, hơn nữa giáo viên lại chưa chú ý hình thành, rèn luyện cho các em các biện pháp ghi nhớ logic; một phần nguyên nhân nữa là do các em phải học thuộc các định nghĩa, công thức, quy tắc... Do đó các em nhớ được bài học nhưng không hiểu nội dung, không vận dụng được để giải bài tập.

2.2. Ghi nhớ ý nghĩa (logic): Tỷ lệ học sinh biết sử dụng phương pháp ghi nhớ ý nghĩa logic ở học sinh lớp 4 còn thấp hoặc nếu biết ghi nhớ ý nghĩa thì cũng ở mức độ thấp. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến thực trạng này là do giáo viên tổ chức các tiết học chưa phát huy tính tự giác, tích cực, tự lực, chủ động cho các em; chưa gây được hứng thú học tập, các em không chú ý vào bài giảng. Hơn nữa giáo viên lại chưa chú ý hình thành, rèn luyện các biện pháp ghi nhớ logic cho học sinh.

3. Mặc dù chương trình thử nghiệm được tiến hành trong thời gian ngắn nhưng có tác động tích cực góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả ghi nhớ cho học sinh.

2. Một số kiến nghị

1. Giáo viên cần chọn lọc những gì mà học sinh cần ghi nhớ trong thời gian ngắn và những gì cần ghi nhớ trong thời gian dài để định hướng giúp các em ghi nhớ có hiệu quả.

2. Giáo viên chủ động dạy cho học sinh các biện pháp ghi nhớ ý nghĩa thông qua từng bài, từng tiết. Những câu hỏi khi kiểm tra, dạy bài mới đòi hỏi học sinh phải tư duy, phải sử dụng tri thức cũ. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình dạy học là một trong những trọng tâm của đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học.

Khi dạy bài mới giáo viên cần :

- Tổ chức hướng dẫn học sinh tự phát hiện và tự giải quyết vấn đề.
- Tổ chức cho học sinh thực hành, vận dụng kiến thức mới học ngay trong tiết học bài mới để học sinh “ học qua làm”.

Khi dạy học các tiết luyện tập, luyện tập chung, thực hành, ôn tập :

- Giúp học sinh tự phát hiện ra mối liên hệ giữa bài tập và các kiến thức đã học, từ đó học sinh biết lựa chọn, sử dụng những kiến thức thích hợp để giải bài tập.
- Tập cho học sinh có thói quen tự kiểm tra, tự đánh giá, tự rút kinh nghiệm khi làm bài và chữa bài tập.
- Tập cho học sinh có thói quen tìm hiểu nhiều cách giải một bài tập (nếu có thể) và lựa chọn cách giải hợp lí nhất, không thoả mãn với kết quả đã đạt được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Nhất, Nguyễn Khắc Viện (1997), Tâm lý học trẻ em, Nhà xuất bản Trẻ.
2. Phạm Minh Hạc (Chủ biên), Tâm lý học, tập 1, NXB Giáo dục, 1998.
3. Nguyễn Kế Hào (Chủ biên), Một số vấn đề về sư phạm học, Hà Nội, 1993.
4. Đỗ Trung Hiệu, Giáo trình phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học, NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2002.
5. Đỗ Đình Hoan, Một số vấn đề cơ bản của chương trình Tiểu học mới, NXB Giáo dục, 2004.
6. Đỗ Đình Hoan (Chủ biên), Toán 4, NXB Giáo dục, 2009.
7. Đỗ Đình Hoan (2006), Sách giáo viên Toán 4, Nhà xuất Bản Giáo dục.
8. Bùi Văn Huệ, Giáo trình tâm lý học tiểu học, NXB Giáo dục, 1997.
9. Luật giáo dục, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2005.
10. Vũ Thị Nho, Tâm lý học phát triển, NXB ĐHQG Hà Nội, 1999.
11. Trần Trọng Thủy, Tâm lý học, Giáo trình đào tạo giáo viên tiểu học hệ CĐSP và SP 12 + 2, NXB Giáo Dục, 1998.
12. Jean Piaget (1997), Tâm lý học và giáo dục, Nhà xuất bản giáo dục.
13. Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Giáo trình tâm lý học đại cương, NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2003.
14. Phạm Đình Khương, “Một vài biện pháp rèn luyện kỹ năng ghi nhớ tri thức toán học”, trang 42, Tạp chí khoa học giáo dục số 110, tháng 5 – 2004.
15. Trần Tố Oanh, “Đặc điểm trí nhớ xúc giác ở trẻ cuối cấp Tiểu học”, trang 21, Tạp chí khoa học giáo dục số 3, tháng 12 – 2005.
16. Lê Tiến Thành – Hoàng Mai Lê, “Dạy học môn Toán ở Tiểu học – thực trạng và giải pháp”, trang 41, Tạp chí giáo dục số 269, tháng 9 – 2011.

17. Nguyễn Thị Ngọc Thanh, “Khả năng ghi nhớ kiến thức môn học của học sinh lớp 2”, trang 21, Tạp chí giáo dục số 315, tháng 12 – 2013.
18. Tìm hiểu thực trạng các loại trí nhớ của học sinh lớp 4: khóa luận tốt nghiệp đại học: chuyên ngành: Tâm lí học/ Vũ Thị Tân; Lê Xuân Tiến (hướng dẫn khoa học) – H: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 [phát hành], 2010.
19. Tìm hiểu thực trạng các loại ghi nhớ của học sinh lớp 2: khóa luận tốt nghiệp đại học: chuyên ngành: Tâm lí học/ Võ Thị Thắm; Lê Xuân Tiến (hướng dẫn khoa học) – H: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 [phát hành], 2010.
20. Tìm hiểu thực trạng các loại trí nhớ của học sinh lớp 2 và lớp 3: khóa luận tốt nghiệp đại học: chuyên ngành: Tâm lí học/ Tạ Thị Minh Duyên; Lê Xuân Tiến (hướng dẫn khoa học) – H: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 [phát hành], 2010.
21. Kỹ năng phân tích câu của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Liên Minh – Thành phố Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc: khóa luận tốt nghiệp đại học: chuyên ngành: Tâm lí học/ Ninh Thị Mai; TS Nguyễn Đình Mạnh (hướng dẫn khoa học) – H: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 [phát hành], 2010.
22. Kỹ năng viết bài tập làm văn của học sinh lớp 4 trường Tiểu học Phú Lỗ A – Sóc Sơn – Hà Nội: khóa luận tốt nghiệp đại học: chuyên ngành: Tâm lí học/ Hoàng Thị Thủy; TS Nguyễn Đình Mạnh (hướng dẫn khoa học) – H: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 [phát hành], 2010.
23. Tiểu luận Tìm hiểu năng lực trí nhớ hình ảnh của học sinh lớp 2 trường Tiểu học Lê Quý Đôn thành phố Huế. (www.doc.edu.vn).
24. Đặc điểm trí nhớ của trẻ Tiểu học (www.hcmup.edu.vn).
25. Khái quát về trí nhớ (duko.vn).

26. www.Tamlyhoc.net
27. www.Tamlyhoc.com.vn
28. www.Goole.com.vn

PHỤ LỤC

1. Trích giáo án dạy thử nghiệm

Khi dạy bài: “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó” – Toán 4, tập 2 tôi đã tiến hành soạn bài và tổ chức giờ học theo logic sau:

GIÁO ÁN THỬ NGHIỆM

TOÁN LỚP 4

TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ TỈ SỐ CỦA HAI SỐ ĐÓ

I. Mục tiêu

Giúp HS:

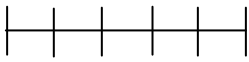
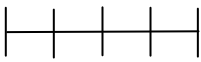
- Biết cách giải bài toán về “Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó”
- Vận dụng quy tắc tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó vào giải bài toán có lời văn
- Hăng hái phát biểu, thảo luận, tích cực làm bài, yêu thích học toán.

II. Đồ dùng dạy học

- SGK Toán 4, vở BT Toán 4
- Minh họa Bài toán 1 và Bài toán 2 như SGK trên bảng phụ.

III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Kiểm tra bài cũ (Giới thiệu tỉ số) -Gọi 2 HS lên bảng làm bài tập:	-2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi nhận xét bài bạn.
Bài tập: Một tổ công nhân ngày đầu may được 125 bộ quần áo. Số bộ quần áo ngày thứ hai may được bằng $\frac{4}{5}$ số bộ quần áo đã may ngày đầu. Hỏi cả hai ngày tổ công nhân may được tất cả bao nhiêu bộ quần áo?	

Tóm tắt:	Bài 2: Giải:
<p>Ngày đầu:  } ? bộ</p> <p>Ngày hai:  }</p> <p>-GV nhận xét và cho điểm HS</p> <p>2. Dạy – học bài mới</p> <p>2.1 Giới thiệu bài</p> <p>- các em đã biết cách tìm tỉ số của hai số, hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.</p> <p>- GV viết tên bài lên bảng</p> <p>2.2 Hướng dẫn giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.</p> <p>a) Bài toán 1</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc bài toán 1:</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Bài toán cho biết những gì?</p> <p>+ Bài toán hỏi gì?</p> <p>-GV nêu: Bài toán cho biết tổng và tỉ số của hai số rồi yêu cầu tìm hai số, nên gọi là bài toán <i>Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của chúng.</i></p>	<p>Số bộ quần áo ngày thứ hai may được là:</p> $125 \times \frac{4}{5} = 100 \text{ (bộ)}$ <p>Cả hai ngày may được số bộ quần áo là:</p> $125 + 100 = 225 \text{ (bộ)}$ <p>Đáp số: 225 bộ</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- Viết tên bài vào vở</p> <p>-1HS đọc đề bài</p> <p>+ Bài toán cho biết tổng của hai số là 96, tỉ số của hai số là $\frac{3}{5}$.</p> <p>+ Bài toán yêu cầu tìm hai số đó?</p> <p>-Lắng nghe</p> <p>-HS vẽ sơ đồ theo ý hiểu, sau đó</p>

<p>-GV yêu cầu HS tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng, sau đó phát biểu ý kiến về cách vẽ, nhận xét hs</p> <p>-GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ đoạn thẳng:</p> <p>+ dựa vào tỉ số của hai số (nếu HS không biểu diễn được thì GV biểu diễn số bé bằng 3 phần bằng nhau, sau đó hỏi: Nếu biểu diễn số bé bằng 3 phần bằng nhau thì số lớn là mấy phần như thế?</p> <p>+ Yêu cầu HS vẽ sơ đồ biểu diễn số bé, số lớn.</p> <p>+ Yêu cầu HS biểu diễn tổng của hai số.</p> <p>+ Yêu cầu HS biểu diễn câu hỏi của bài toán.</p> <p>+ GV thống nhất về sơ đồ đúng:</p>	<p>phát biểu ý kiến và nghe gv nhận xét.</p> <p>-Làm theo hướng dẫn:</p> <p>+ Số bé biểu diễn bằng 3 phần bằng nhau, số lớn biểu diễn bằng 5 phần như thế.</p> <p>+ 1hs vẽ trên bảng, hs cả lớp vẽ ra nháp.</p> <p>+ hs tiếp tục vẽ</p> <p>+ hs vẽ và ghi dấu chấm hỏi (?) vào sơ đồ.</p>
<p>-GV hướng dẫn hs giải bài toán:</p> <p>+ Nhìn sơ đồ và cho biết 96 tương ứng với mấy phần bằng nhau?</p> <p>+ Làm thế nào để tìm được 8 phần bằng nhau?</p> <p>- Chốt: Để biết 96 tương ứng với bao nhiêu phần bằng nhau, chúng ta tính tổng số phần bằng nhau của số bé và số lớn: $3 + 5$</p>	<p>- hs suy nghĩ tìm lời giải</p> <p>+ 96 tương ứng với 8 phần bằng nhau.</p> <p>+ Đếm số phần</p> <p>+ thực hiện phép cộng $3 + 5 = 8$</p> <p>- Lắng nghe</p>

= 8 (phần)

>> Như vậy tổng hai số tương ứng với tổng số phần bằng nhau.

+ Biết 96 tương ứng với 8 phần bằng nhau, gọi hs tính giá trị của 1 phần?

+ số bé có mấy phần bằng nhau?

+ biết số bé có 3 phần bằng nhau, mỗi phần tương ứng với 12, vậy số bé là bao nhiêu?

+ Tính số lớn?

- GV yêu cầu hs trình bày lời giải bài toán.

b) Bài toán 2

- gọi hs đọc đề bài

- GV hỏi:

+ bài toán cho biết gì?

+ Giá trị một phần là:

$$96 : 8 = 12$$

+ số bé có 3 phần bằng nhau

+ số bé là:

$$12 \times 3 = 36$$

+ số lớn là: $12 \times 5 = 60$

Hoặc: $96 - 36 = 60$

- 1 hs lên bảng trình bày, hs cả lớp làm vào vở:

Giải

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$3 + 5 = 8 \text{ (phần)}$$

Số bé là:

$$96 : 8 \times 3 = 36$$

Số lớn là:

$$96 - 36 = 60$$

Đáp số: SB: 36 ; SL: 60

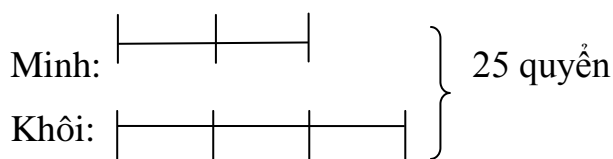
- 1 hs đọc trước lớp, hs cả lớp đọc thêm

- hs trả lời:

+ Bài toán cho biết Minh và Khôi có 25 quyển vở. Số vở của Minh

<p>+ bài toán hỏi gì?</p> <p>+ bài toán thuộc dạng toán gì? Vì sao em biết?</p> <p>- Yêu cầu hs dựa vào tỉ số vở của hai bạn để vẽ sơ đồ đoạn thẳng.</p> <p>- Nhận xét sơ đồ của hs, kết luận: Vì số vở của bạn Minh bằng $\frac{2}{3}$ số vở của bạn Khôi nên ta vẽ số vở của bạn Minh là 2 phần bằng nhau thì số vở của bạn Khôi là 3 phần như thế.</p> <p>- <u>GV hướng dẫn hs giải bài toán:</u></p> <p>+ Theo sơ đồ, theo sơ đồ, 25 quyển vở tương ứng với bao nhiêu phần bằng nhau?</p> <p>+ Vậy một phần tương ứng với mấy quyển vở?</p> <p>+ Bạn Minh có bao nhiêu quyển vở?</p> <p>+ Bạn Khôi có bao nhiêu quyển vở?</p> <p>- Yêu cầu hs trình bày lời giải:</p>	<p>bằng $\frac{2}{3}$ số vở của Khôi.</p> <p>+ Bài toán hỏi số vở của mỗi bạn.</p> <p>+ bài toán thuộc dạng <i>Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó</i>. Vì bài toán cho biết tổng số vở của hai bạn, cho biết tỉ số giữa số vở của bạn Minh và bạn Khôi.</p> <p>- 1 hs vẽ trên bảng lớp, cả lớp vẽ vào vở.</p> <p>- Lắng nghe</p> <p>- hs trả lời:</p> <p>+ 25 quyển vở tương ứng với: $2 + 3 = 5$ (phần)</p> <p>+ Một phần tương ứng với: $25 : 5 = 5$ (quyển vở)</p> <p>+ Bạn Minh có: $5 \times 2 = 10$ (quyển vở)</p> <p>+ Bạn Khôi có: $25 - 10 = 15$ (quyển vở)</p> <p>- 1 hs trình bày trên bảng, cả lớp làm vào vở.</p>
<p>Giải</p>	

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 3 = 5 \text{ (phần)}$$

Số vở của Minh là:

$$25 : 5 \times 2 = 10 \text{ (quyển vở)}$$

Số vở của Khôi là:

$$25 - 10 = 15 \text{ (quyển vở)}$$

Đáp số: Minh: 10 quyển

Khôi: 15 quyển

- **GV hỏi:** Qua hai bài toán trên, nêu cách giải bài toán Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của chúng?

- GV nêu lại các bước giải. Giảng: Sau khi tìm được tổng số phần bằng nhau ta có thể tìm giá trị của một phần, bước này có thể làm gộp với bước tìm số bé.

2.3 luyện tập

Bài 1:

- gọi hs đọc đề bài

- bài toán thuộc dạng toán gì?

- GV: Hãy nêu các bước giải bài toán tìm

- hs nêu **các bước giải:**

+ **Vẽ sơ đồ minh họa bài toán**

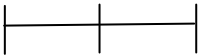
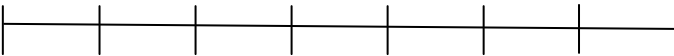
+ **Tìm tổng số phần bằng nhau**

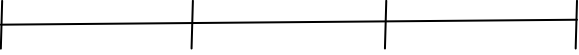
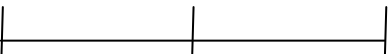
+ **Tìm số bé**

+ **Tìm số lớn**

- 1 hs đọc trước lớp, cả lớp theo dõi

- bài toán thuộc dạng *tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.*

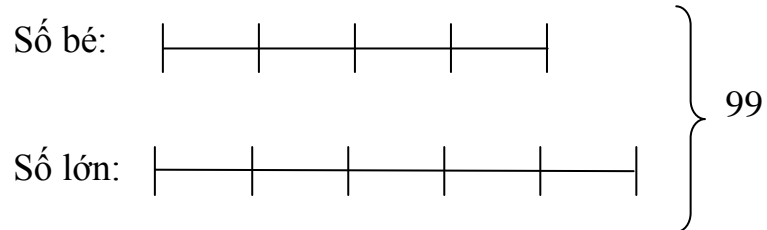
<p>hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.</p> <p>- Yêu cầu hs giải bài toán:</p>	<p>- hs nêu trước lớp.</p> <p>- 1hs làm trên bảng, cả lớp làm vào VBT</p>
<p>Giải</p> <p>Ta có sơ đồ:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="text-align: center;"> <p>Số bé: </p> </div> <div style="text-align: center;"> <p>Số lớn: </p> </div> <div style="font-size: 3em; margin-left: 20px;">}</div> <div style="vertical-align: middle;">333</div> </div> <p>Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:</p> $2 + 7 = 9 \text{ (phần)}$ <p>Số bé là:</p> $333 : 9 \times 2 = 74$ <p>Số lớn là:</p> $333 - 74 = 259$ <p>Đáp số: Số bé: 74 ; số lớn: 259</p>	
<p>- GV chữa bài, hỏi hs:</p> <p>+ Vì sao em lại vẽ sơ đồ số bé là 2 phần bằng nhau và số lớn là 7 phần bằng nhau?</p> <p>- GV nêu: Trong khi trình bày lời giải bài toán trên các em cũng có thể không vẽ sơ đồ, thay vào đó <u>viết câu</u>: <i>Biểu thị số bé là 2 phần bằng nhau thì số lớn là 7 phần như thế.</i></p> <p>- GV nhận xét và cho điểm hs</p> <p>Bài 2:</p>	<p>+ Vì tỉ số của hai số đó là $\frac{2}{7}$ nên biểu thị số bé là 2 phần bằng nhau thì số lớn sẽ là 7 phần như thế.</p> <p>- Lắng nghe</p>

<p>- nêu tiến hành tương tự như bài 1. Yêu cầu hs vẽ sơ đồ minh họa bài toán rồi giải.</p>	<p>- 1 hs lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở BT</p>
<p>Giải</p> <p>Ta có sơ đồ:</p> <div style="display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <div style="margin-right: 20px;"> <p>Kho 1: </p> <p>Kho 2: </p> </div> <div style="font-size: 3em; vertical-align: middle;">}</div> <div style="margin-left: 10px; vertical-align: middle;">125 tấn</div> </div> <p>Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:</p> $3 + 2 = 5 \text{ (phần)}$ <p>Số thóc ở kho thứ nhất là:</p> $125 : 5 \times 3 = 75 \text{ (tấn)}$ <p>Số thóc ở kho thứ hai là:</p> $125 - 75 = 50 \text{ (tấn)}$ <p>Đáp số: Kho 1: 75 tấn thóc ; Kho 2: 50 tấn thóc</p>	
<p>- GV nhận xét tuyên dương hs</p> <p>Bài 3:</p> <p>- Gọi hs đọc đề bài</p> <p>- Hỏi: Tổng của hai số là bao nhiêu? Vì sao?</p> <p>- yêu cầu hs vẽ sơ đồ bài toán rồi giải:</p>	<p>- 1hs đọc trước lớp, lớp theo dõi</p> <p>- Tổng của hai số là 99. Vì 99 là số lớn nhất có hai chữ số.</p> <p>- 1 hs lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở BT.</p>

Giải

Số lớn nhất có hai chữ số là 99, vậy tổng của hai số là 99

Ta có sơ đồ:



Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

$$4 + 5 = 9 \text{ (phần)}$$

Số bé là:

$$99 : 9 \times 4 = 44$$

Số lớn là:

$$99 - 44 = 55$$

Đáp số: Số bé: 44 ; số lớn: 55

- nhận xét bài làm của hs và cho điểm.

3. Củng cố, dặn dò

- Cho hs các tổ thi nhau nêu lại các bước giải của bài toán *Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó*.

- Hỏi: Dựa vào đâu để vẽ sơ đồ minh họa trong bài toán tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của chúng. Hai số có tỉ số là $\frac{a}{b}$ với a, b

- Đại diện các tổ nêu:

+ **Vẽ sơ đồ minh họa bài toán**

+ **Tìm tổng số phần bằng nhau**

+ **Tìm số bé**

+ **Tìm số lớn**

- Dựa vào tỉ số của hai số để vẽ sơ đồ. Nếu tỉ số của hai số là $\frac{a}{b}$ với a, b khác 0 thì ta vẽ số thứ

khác 0, thì em vẽ sơ đồ như thế nào? - Nhận xét tiết học - Dặn hs làm bài tập và chuẩn bị bài sau.	nhất là a phần bằng nhau, số thứ hai là b phần như thế. - HS lắng nghe và thực hiện
--	--

2. Biên bản dự giờ

TOÁN LỚP 4

PHÉP CHIA PHÂN SỐ

I. Mục tiêu

- Học sinh biết cách thực hiện phép chia phân số. Lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.
- Học sinh biết thế nào là phân số đảo ngược.
- Áp dụng được quy tắc tìm thừa số chưa biết đối với phân số để tính nhanh (bài tập 3).
- Vận dụng quy tắc nhân hai phân số vào giải bài toán có lời văn (bài tập 4).
- Hăng hái phát biểu, thảo luận, tích cực làm bài, yêu thích học toán

II. Đồ dùng dạy học

- SGK Toán 4, vở BT Toán 4
- Vẽ hình minh họa như trong phần bài học SGK trên bảng phụ.

III. Các hoạt động dạy – học chủ yếu

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Kiểm tra bài cũ</p> <p>Tìm giá trị phân số của một số:</p> <p>a) Tính $\frac{7}{5} \times \frac{4}{3}$ b) Tìm $\frac{3}{5}$ của 75kg</p> <p>- yêu cầu các HS khác làm bài vào vở</p>	<p>- Hà và Duy lên bảng làm bài, cả lớp theo dõi và nhận xét bài làm của bạn.</p>

<p>-GV nhận xét và cho điểm HS</p> <p>2. Bài mới</p> <p>2.1 Giới thiệu bài</p> <p>Như vậy, các em đã biết cách nhân hai phân số, còn phép chia hai phân số thì sao? Muốn chia hai phân số ta làm như thế nào? Để biết điều đó, cô và các em cùng tìm hiểu bài: Phép chia phân số.</p> <p>-GV ghi bảng, nhắc HS đọc tên đề bài và ghi vào vở.</p> <p>2.2 Hướng dẫn thực hiện phép chia phân số.</p> <p>- Treo bảng phụ có sẵn hình vẽ trong sách giáo khoa.</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Đề bài cho biết gì?</p> <p>+ Đề bài hỏi gì?</p> <p>+ Khi đã biết diện tích và chiều rộng của hình chữ nhật, muốn tính chiều dài chúng ta phải thực hiện phép tính gì?</p>	<p>a) $\frac{5}{7} \times \frac{4}{3} = \frac{5 \times 4}{7 \times 3} = \frac{20}{21}$</p> <p>b) $\frac{3}{5} \times 75 = \frac{3 \times 75}{5} = \frac{225}{5} = 25$</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- Từ bạn Hà đọc nối tiếp tên đề bài và ghi tên bài vào vở.</p> <p>- HS quan sát và lắng nghe</p> <p>+ Phúc: đề bài cho biết diện tích hình chữ nhật là $\frac{7}{15} \text{m}^2$, chiều rộng hình chữ nhật là $\frac{2}{3} \text{m}$.</p> <p>+ Minh: đề bài hỏi chiều dài của hình chữ nhật?</p> <p>+ Mạnh: ta thực hiện phép tính chia.</p>
---	---

<p>- Hãy đọc phép tính chiều dài hình chữ nhật ABCD?</p> <p>- Hướng dẫn học sinh thực hiện phép chia: Muốn thực hiện phép chia hai phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.</p> <p>+ Đảo ngược là ngược lại. Vậy thế nào là phân số đảo ngược?</p> <p>+ Trong bài toán trên, phân số $\frac{3}{2}$ được gọi là phân số đảo ngược của phân số $\frac{2}{3}$. Từ đó ta thực hiện phép tính như sau:</p> $\frac{7}{15} : \frac{2}{3} = \frac{7}{15} \times \frac{3}{2} = \frac{21}{30} = \frac{7}{10}$ <p>- Vậy chiều dài hình chữ nhật là bao nhiêu mét?</p> <p>- Gọi HS nhắc lại cách thực hiện phép chia hai phân số.</p> <p>- Kết luận: Đó chính là quy tắc chia hai phân số.</p> <p>- Ghi quy tắc và yêu cầu HS nhắc lại.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>2.3 Luyện tập thực hành</p> <p><u>Bài 1</u>: Viết phân số đảo ngược của mỗi phân số sau: $\frac{2}{3}; \frac{4}{7}; \frac{3}{5}; \frac{9}{4}; \frac{10}{7}$.</p> <p>- GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p>	<p>- Nhật Linh: nêu phép tính: $\frac{7}{15} : \frac{2}{3}$</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>+ Trang: Phân số đảo ngược là phân số ngược lại của phân số cho trước.</p> <p>- Kết quả của phép tính là $\frac{7}{10}$.</p> <p>- Vậy chiều dài hình chữ nhật là $\frac{7}{10}$ m</p> <p>- Quân nhắc lại: Muốn thực hiện phép chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số thứ hai đảo ngược.</p> <p>- 3- 4HS nêu quy tắc.</p> <p>- 2- 3HS đọc đề.</p> <p>- AiLy: Viết phân số đảo</p>
---	--

<p>- GV yêu cầu HS làm miệng trước lớp.</p> <p>- Chẳng hạn : Phân số đảo ngược của $\frac{2}{3}$ là $\frac{3}{2}$.</p> <p>- GV nhận xét bài làm của HS.</p> <p>Như vậy, ở bài tập 1 các em đã thực hành tìm phân số đảo ngược của phân số đã cho, chúng ta hãy vận dụng để thực hiện các phép chia trong bài tập 2.</p> <p><u>Bài 2:</u> Tính:</p> <p>- Ghi đề bài lên bảng.</p> <p>- Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc chia hai phân số.</p> <p>- Gọi HS lên bảng làm bài theo quy tắc vừa học.</p> <p>- GV chữa bài trên bảng lớp.</p> <p>- Nhận xét bài làm của HS</p> <p><u>Bài 3:</u> Tính:</p> <p>- Ghi đề bài lên bảng.</p> <p>- GV cho HS thảo luận tính theo từng hàng ba phép tính (câu a).</p>	<p>ngược của các phân số đã cho.</p> <p>- Hiền và July lên bảng, mỗi bạn làm hai phần.</p> <p>Cả lớp làm miệng theo nhóm đôi.</p> <p>- 2- 3HS đọc đề.</p> <p>- Khoa nhắc lại.</p> <p>- Long, Nga, Xuân lên bảng làm bài.</p> <p>Cả lớp làm vào nháp (mỗi dãy làm một phép tính).</p> <p>a) $\frac{3}{7} : \frac{5}{8} = \frac{3}{7} \times \frac{8}{5} = \frac{24}{35}$</p> <p>b) $\frac{8}{7} : \frac{3}{4} = \frac{8}{7} \times \frac{4}{3} = \frac{32}{21}$</p> <p>c) $\frac{1}{3} : \frac{1}{2} = \frac{1}{3} \times \frac{2}{1} = \frac{2}{3}$</p> <p>- 2- 3HS đọc đề.</p> <p>- 3HS lên bảng làm bài.</p> <p>Cả lớp theo dõi nhận xét</p>
---	--

$$a) \frac{2}{3}x \frac{5}{7} = \frac{10}{21}$$

$$\frac{10}{21} : \frac{5}{7} = \frac{10}{21}x \frac{7}{5} = \frac{70}{105} = \frac{2}{3}$$

$$\frac{10}{21} : \frac{2}{3} = \frac{10}{21}x \frac{3}{2} = \frac{30}{42} = \frac{5}{7}$$

$$b) \frac{1}{5}x \frac{1}{3} = \frac{1}{15}$$

$$\frac{1}{15} : \frac{1}{5} = \frac{1}{15}x \frac{5}{1} = \frac{5}{15} = \frac{1}{3}$$

$$\frac{1}{15} : \frac{1}{3} = \frac{1}{15}x \frac{3}{1} = \frac{3}{15} = \frac{1}{5}$$

- Nhận xét bài làm trên bảng.

- Yêu cầu HS tìm MQH giữa các phân số ở phép tính 2 và 3 với các phân số ở phép tính 1?

- Kết luận: Bài tập trên áp dụng quy tắc tìm thừa số chưa biết. Quy tắc này không chỉ áp dụng được với số tự nhiên mà còn áp dụng với phân số.

Từ quy tắc này, chúng ta có thể vận dụng để tính nhanh một số phép tính mà không cần đặt tính và vận dụng để giải các bài toán tìm x. Vậy là không bắt buộc lúc nào chúng ta cũng phải thực hiện phép tính mới ra kết quả.

- Yêu cầu học sinh vận dụng quy tắc để làm nhanh phần b).

- Nhận xét bài làm của học sinh.

Bài 4:

- Yêu cầu HS đọc đề bài.

- Vừa đặt câu hỏi vừa tóm tắt lên bảng.

+ Đề cho biết gì?

-HS suy nghĩ

- Lắng nghe.

- Dựng lên bảng làm bài.

Cả lớp điền nhanh kết quả vào sách giáo khoa.

- 1HS đọc đề.

- Trả lời:

+ Yên: Cho biết diện tích

HCN là $\frac{2}{3}m^2$ chiều rộng là

<p>+ Đề bài hỏi gì?</p> <p>- Yêu cầu học sinh lên bảng làm bài.</p> <p>- Chấm vở học sinh làm nhanh.</p> <p>- Nhận xét bài làm trên bảng và bài làm trong vở của học sinh.</p> <p>3. Củng cố- dặn dò.</p> <p>- Trong bài học này, chúng ta cần lưu ý điều gì?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn HS về chuẩn bị bài sau.</p>	<p>$\frac{3}{4}m$.</p> <p>+ Vũ: Tính chiều dài của HCN.</p> <p>- Hà lên bảng làm bài.</p> <p>Cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Chiều dài của hình chữ nhật là :</p> $\frac{2}{3} : \frac{3}{4} = \frac{8}{9}(m)$ <p style="text-align: center;">Đáp số : $\frac{8}{9}m$</p> <p>-HS trả lời</p> <p>- HS ghi nhớ và thực hiện</p>
---	---